



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI MÁY TÍNH HỌC VIỆN
HỌC KỲ HK II (2024-2025)**

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đăng	Nam	24ĐHĐT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
3	2431730069	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
4	2433520035	Đỗ Thành	An	Nam	24ĐHKT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
5	2431730081	Lê Hiếu	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
6	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
7	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
8	2431730296	Huỳnh Võ Hồng	Anh	Nữ	24ĐHDL04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
9	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLC3	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
10	2431730380	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	24ĐHDL04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
11	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDL04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
12	2433520180	Văn Công Thế	Bảo	Nam	24ĐHKT03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
13	2433520226	Hồ Thị Mỹ	Trúc	Nữ	24ĐHKT02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
14	2433520234	Lương Thế	Mạnh	Nam	24ĐHKT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
15	2253410352	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	22ĐHQTC1	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
16	2431730016	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHDLC1	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
17	2431730127	Đồng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
18	2431730128	Nguyễn Ánh	Hồng	Nữ	24ĐHDL04	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
19	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
20	2431730150	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
21	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
22	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
23	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
24	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
25	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDLC2	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
26	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLC3	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
27	2431730242	Lê Thị	Hòa	Nữ	24ĐHDLC3	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
28	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDLC4	010100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
29	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
30	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
31	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
32	2431730012	Võ Minh	Hưng	Nam	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
33	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
34	2431730071	Mạnh Lê Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
35	2431730080	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24ĐHDLC1	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
36	2431730083	Lê Hồ Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHDLC1	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
37	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
38	2431730102	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
39	2431730103	Nguyễn Tâm Phương	Thảo	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
40	2431730120	Vũ Huệ	Phương	Nữ	24ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
41	2431720203	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24ĐHNA04	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
42	2431730342	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	24ĐHDL03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
43	2431730350	Trần Thiện Tâm	Như	Nữ	24ĐHDL03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
44	2431730352	Phạm Thảo	Ly	Nữ	24ĐHDL03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
45	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
46	2431730388	Châu Trác Thái	Quân	Nữ	24ĐHDLC4	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
47	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDL04	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
48	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
49	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
50	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
51	2431730004	Nguyễn Phú Hà	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
52	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
53	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
54	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
55	2431730017	Lê Quang	Vinh	Nam	24ĐHDLC1	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
56	2431730021	Vũ Ngô Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC1	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
57	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
58	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
59	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
60	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	Nam	24ĐHDLC1	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
61	2431730027	Trương Thị Thanh	Tú	Nữ	24ĐHDLC1	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
62	2431730035	Võ Thủy	Tiên	Nữ	24ĐHDL01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
63	2431730057	Nguyễn Lê Uyên	My	Nữ	24ĐHDLC1	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
64	2431730121	Huỳnh Như	Ý	Nữ	24ĐHDL01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
65	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDL02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
66	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trinh	Nữ	24ĐHDL02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
67	2431730179	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
68	2431730263	Trương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHDL02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
69	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyển	Nữ	24ĐHDL04	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
70	2433520119	Phạm Minh	Quân	Nam	24ĐHKT02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
71	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
72	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
73	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
74	2431730024	Phan Thụy Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDLC1	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
75	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
76	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
77	2431730073	Phan Xuân	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
78	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDL04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
79	2431730145	Nguyễn Thiên	An	Nữ	24ĐHDL02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
80	2431730152	Phan Vũ Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
81	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
82	2431730206	Phạm Lê Bảo	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
83	2431730212	Vương Minh	Huệ	Nữ	24ĐHDL02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
84	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
85	2431730278	Trần Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC3	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
86	2431730294	Nguyễn Tài	Tú	Nam	24ĐHDLC3	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
87	2431730298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC3	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
88	2431720394	Trương Văn	Hung	Nam	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
89	2431720406	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
90	2431720407	Bùi Nguyễn Hà	My	Nữ	24ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
91	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
92	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC4	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
93	2431730243	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
94	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDLC3	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
95	2431730271	Mai	Khôi	Nữ	24ĐHDLC3	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
96	2431730282	Trịnh Tuyết	Nhi	Nữ	24ĐHDLC3	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
97	2431730349	Trần Quỳnh	Nga	Nữ	24ĐHDLC4	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
98	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
99	2431730405	Dương Trần Hải	Bình	Nam	24ĐHDL04	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
100	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXD02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng
101	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
102	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDL01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
103	2431730260	Phạm Lê Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
104	2431730290	Vũ Đặng Hà	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
105	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
106	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
107	2431730379	Chềnh Vòng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
108	2431720517	Nguyễn Thuý	An	Nữ	24ĐHNA09	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
109	2431730413	Chữ Thị Thanh	Hòa	Nữ	24ĐHDLC4	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng
110	2431730092	Đào Hoàng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
111	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
112	2431730220	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
113	2431730308	Thân Thị Hơ	Mây	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
114	2431720239	Phan Ngọc Huế	Trân	Nữ	24ĐHNA04	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
115	2433520104	Ngô Thanh	Hậu	Nam	24ĐHKT02	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
116	2433520108	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHKT02	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
117	2431730371	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
118	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
119	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
120	2431730399	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
121	2431730406	Trương Thị Phương	Hà	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
122	2431730410	Trần Lê	Vy	Nữ	24ĐHDLC4	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
123	2431720531	Lưu Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA09	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
124	2431720542	Lê Mai	Ngọc	Nữ	24ĐHNA09	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng
125	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	Nam	23ĐHĐT01	010100000301	Pháp luật đại cương
126	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
127	2431730012	Võ Minh	Hưng	Nam	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
128	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	Nam	24ĐHDLC1	010100000301	Pháp luật đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
129	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
130	2431730069	Hoàng Ngọc Yên	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
131	2431730081	Lê Hiếu	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
132	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
133	2431730102	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
134	2431730103	Nguyễn Tâm Phương	Thảo	Nữ	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
135	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDL01	010100000301	Pháp luật đại cương
136	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDL04	010100000301	Pháp luật đại cương
137	2431730141	Võ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24ĐHDL04	010100000301	Pháp luật đại cương
138	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
139	2431730231	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
140	2431730234	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100000301	Pháp luật đại cương
141	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDLC3	010100000301	Pháp luật đại cương
142	2431730260	Phạm Lê Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000301	Pháp luật đại cương
143	2431730275	Ngô Thị Tuyết	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000301	Pháp luật đại cương
144	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
145	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDL04	010100000301	Pháp luật đại cương
146	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100000301	Pháp luật đại cương
147	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ân	Nữ	24ĐHDL03	010100000301	Pháp luật đại cương
148	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDL03	010100000301	Pháp luật đại cương
149	2431730354	Tạ Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHDL03	010100000301	Pháp luật đại cương
150	2431730379	Chềnh Vòng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
151	2431730398	Đỗ Hoàng Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
152	2431730410	Trần Lê	Vy	Nữ	24ĐHDLC4	010100000301	Pháp luật đại cương
153	2431730411	Nguyễn Huyền Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHDL04	010100000301	Pháp luật đại cương
154	2431730422	Đỗ Chí	Quyên	Nam	24ĐHDL02	010100000301	Pháp luật đại cương
155	2254810109	Trương Sơn	Trúc	Nam	22ĐHTT03	010100000303	Pháp luật đại cương
156	2431730016	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
157	2431730017	Lê Quang	Vinh	Nam	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
158	2431730021	Vũ Ngô Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
159	2431730027	Trương Thị Thanh	Tú	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
160	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
161	2431730045	Trần Lê Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
162	2431730057	Nguyễn Lê Uyên	My	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
163	2431730065	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
164	2431730071	Mạnh Lê Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
165	2431730080	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
166	2431730083	Lê Hồ Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHDLC1	010100000303	Pháp luật đại cương
167	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
168	2431730095	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	Nữ	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
169	2431730120	Vũ Huệ	Phương	Nữ	24ĐHDL01	010100000303	Pháp luật đại cương
170	2431730127	Đông Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC2	010100000303	Pháp luật đại cương
171	2431730128	Nguyễn Ánh	Hồng	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
172	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
173	2431730145	Nguyễn Thiên	An	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
174	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
175	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trinh	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
176	2431730179	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
177	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLC2	010100000303	Pháp luật đại cương
178	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
179	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
180	2431730206	Phạm Lê Bảo	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100000303	Pháp luật đại cương
181	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
182	2431730242	Lê Thị	Hòa	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
183	2431730245	Trần Ngọc Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
184	2431730251	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
185	2431730256	Nguyễn Hoàng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
186	2431730263	Trương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHDL02	010100000303	Pháp luật đại cương
187	2431730287	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
188	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
189	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
190	2431730298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC3	010100000303	Pháp luật đại cương
191	2431730307	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
192	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyển	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
193	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100000303	Pháp luật đại cương
194	2431730349	Trần Quỳnh	Nga	Nữ	24ĐHDLC4	010100000303	Pháp luật đại cương
195	2431730350	Trần Thiện Tâm	Như	Nữ	24ĐHDL03	010100000303	Pháp luật đại cương
196	2431730352	Phạm Thảo	Ly	Nữ	24ĐHDL03	010100000303	Pháp luật đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
197	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDL03	010100000303	Pháp luật đại cương
198	2431730380	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
199	2431730388	Châu Trắc Thái	Quân	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
200	2431730394	Nguyễn Thủy Quý	Nhi	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
201	2431730399	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
202	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDL04	010100000303	Pháp luật đại cương
203	2331510001	Đinh Trần An	Thịnh	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
204	2331510005	Đoàn Thế	Tài	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
205	2331510011	Nguyễn Văn	Huy	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
206	2331510013	Đặng Trọng	Khôi	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
207	2331510017	Phạm Hoàng Minh	Khải	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
208	2331510018	Hồ Duy	Phước	Nam	23ĐHĐT01	010100000304	Pháp luật đại cương
209	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
210	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
211	2431730104	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
212	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
213	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
214	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDL04	010100000304	Pháp luật đại cương
215	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
216	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
217	2431730150	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
218	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
219	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
220	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
221	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
222	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
223	2431730271	Mai	Khôi	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
224	2431730282	Trịnh Tuyết	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
225	2431730284	Nguyễn Hữu Minh	Khang	Nam	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
226	2431730291	Nguyễn Ngọc	Thy	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
227	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
228	2431730309	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
229	2431730385	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương
230	2431730400	Lê Quỳnh Quế	Trâm	Nữ	24ĐHDL01	010100000304	Pháp luật đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
231	2431730405	Dương Trần Hải	Bình	Nam	24ĐHDL04	010100000304	Pháp luật đại cương
232	2431730413	Chữ Thị Thanh	Hòa	Nữ	24ĐHDLC4	010100000304	Pháp luật đại cương
233	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDL04	010100000304	Pháp luật đại cương
234	2331510004	Lã Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHĐT01	010100000306	Pháp luật đại cương
235	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	23ĐHĐT01	010100000306	Pháp luật đại cương
236	2431730004	Nguyễn Phú Hà	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100000306	Pháp luật đại cương
237	2431730024	Phan Thụy Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDLC1	010100000306	Pháp luật đại cương
238	2431730035	Võ Thùy	Tiên	Nữ	24ĐHDL01	010100000306	Pháp luật đại cương
239	2431730046	Trần Hoàng Hà	Phương	Nữ	24ĐHDLC1	010100000306	Pháp luật đại cương
240	2431730066	Nguyễn Vy Yên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100000306	Pháp luật đại cương
241	2431730073	Phan Xuân	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100000306	Pháp luật đại cương
242	2431730092	Đào Hoàng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100000306	Pháp luật đại cương
243	2431730121	Huỳnh Như	Ý	Nữ	24ĐHDL01	010100000306	Pháp luật đại cương
244	2431730152	Phan Vũ Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100000306	Pháp luật đại cương
245	2431730191	Nguyễn Đan Khả	Nhi	Nữ	24ĐHDL02	010100000306	Pháp luật đại cương
246	2431730212	Vương Minh	Huệ	Nữ	24ĐHDL02	010100000306	Pháp luật đại cương
247	2431730220	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100000306	Pháp luật đại cương
248	2431730221	Tổng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	24ĐHDL02	010100000306	Pháp luật đại cương
249	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
250	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
251	2431730243	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
252	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
253	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
254	2431730268	Đào Thị Kiều	Ninh	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
255	2431730278	Trần Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
256	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
257	2431730290	Vũ Đặng Hà	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
258	2431730294	Nguyễn Tài	Tú	Nam	24ĐHDLC3	010100000306	Pháp luật đại cương
259	2431730296	Huỳnh Võ Hồng	Anh	Nữ	24ĐHDL04	010100000306	Pháp luật đại cương
260	2431730308	Thân Thị Hơ	Mây	Nữ	24ĐHDLC4	010100000306	Pháp luật đại cương
261	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDLC4	010100000306	Pháp luật đại cương
262	2431730342	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	24ĐHDL03	010100000306	Pháp luật đại cương
263	2431730371	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	24ĐHDLC4	010100000306	Pháp luật đại cương
264	2433530078	Phạm Thạch Gia	Hào	Nam	24ĐHTĐ02	010100000306	Pháp luật đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
265	2431730406	Trương Thị Phương	Hà	Nữ	24ĐHDLC4	010100000306	Pháp luật đại cương
266	2431730408	Nguyễn Lê Hoàng	My	Nữ	24ĐHDL04	010100000306	Pháp luật đại cương
267	2433510089	Lê Quang	Minh	Nam	24ĐHĐT02	010100000306	Pháp luật đại cương
268	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100000601	Tâm lý học đại cương
269	2431320012	Phan Xuân	Trúc	Nữ	24ĐHNL01	010100000602	Tâm lý học đại cương
270	2431320039	Nguyễn Ngọc Kim	Phú	Nữ	24ĐHNL01	010100000602	Tâm lý học đại cương
271	2431320065	Ngô Phạm Thiên	Nga	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
272	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
273	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
274	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
275	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
276	2431320106	Bùi Ngọc Ánh	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
277	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
278	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
279	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
280	2431320114	Võ Quỳnh Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100000602	Tâm lý học đại cương
281	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100000602	Tâm lý học đại cương
282	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100000602	Tâm lý học đại cương
283	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trình	Nữ	24ĐHNL05	010100000602	Tâm lý học đại cương
284	2431320013	Lê Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL01	010100000603	Tâm lý học đại cương
285	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100000603	Tâm lý học đại cương
286	2431320080	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	24ĐHNL02	010100000603	Tâm lý học đại cương
287	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100000603	Tâm lý học đại cương
288	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100000603	Tâm lý học đại cương
289	2431320215	Hồ Ngọc Đoan	Trang	Nữ	24ĐHNL04	010100000603	Tâm lý học đại cương
290	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100000603	Tâm lý học đại cương
291	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100000603	Tâm lý học đại cương
292	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100000604	Tâm lý học đại cương
293	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100000604	Tâm lý học đại cương
294	2431320029	Trương Hồng Tuyết	Như	Nữ	24ĐHNL01	010100000604	Tâm lý học đại cương
295	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
296	2431320084	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
297	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
298	2431320094	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
299	2431320095	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
300	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
301	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
302	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100000604	Tâm lý học đại cương
303	2431320188	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL04	010100000604	Tâm lý học đại cương
304	2431320192	Đỗ Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL04	010100000604	Tâm lý học đại cương
305	2431320203	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNL04	010100000604	Tâm lý học đại cương
306	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100000604	Tâm lý học đại cương
307	2431320254	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL05	010100000604	Tâm lý học đại cương
308	2431320255	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNL05	010100000604	Tâm lý học đại cương
309	2431320262	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL05	010100000604	Tâm lý học đại cương
310	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	24ĐHNL05	010100000604	Tâm lý học đại cương
311	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100000604	Tâm lý học đại cương
312	2431320051	Phạm Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL01	010100000605	Tâm lý học đại cương
313	2431320060	Đặng Tuấn	Anh	Nam	24ĐHNL05	010100000605	Tâm lý học đại cương
314	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100000605	Tâm lý học đại cương
315	2431320111	Nguyễn Trần Giao	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100000605	Tâm lý học đại cương
316	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100000605	Tâm lý học đại cương
317	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100000605	Tâm lý học đại cương
318	2431320161	Nguyễn Ngọc Duy	Tiên	Nữ	24ĐHNL03	010100000605	Tâm lý học đại cương
319	2431320175	Nguyễn Đặng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	010100000605	Tâm lý học đại cương
320	2431320181	Lưu Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL04	010100000605	Tâm lý học đại cương
321	2431320230	Ngô Nguyễn Tố	Trình	Nữ	24ĐHNL04	010100000605	Tâm lý học đại cương
322	2431320235	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	24ĐHNL04	010100000605	Tâm lý học đại cương
323	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
324	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
325	2331720382	Trần Anh	Thư	Nữ	23ĐHNAHK2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
326	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNATM4	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
327	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
328	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
329	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNATM3	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
330	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
331	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNATM3	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
332	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
333	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	23ĐHNATM1	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh
334	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	Nam	22ĐHTT03	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
335	2254810129	Trần Đăng	Nghĩa	Nam	22ĐHTT03	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
336	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	Nữ	23ĐHNATM1	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
337	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
338	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mân	Nữ	23ĐHNATM2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
339	2331720170	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
340	2331720179	Chu Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
341	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
342	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
343	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
344	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
345	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM4	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
346	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
347	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
348	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNATM4	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
349	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh
350	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNATM3	010100001606	Tư tưởng Hồ Chí Minh
351	2201150068	Lê Anh	Thái	Nam	22ĐHQTVT2	010100008101	An toàn hàng không
352	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	010100008101	An toàn hàng không
353	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100008101	An toàn hàng không
354	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	010100008101	An toàn hàng không
355	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	010100008101	An toàn hàng không
356	2331310374	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	23ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không
357	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	010100008101	An toàn hàng không
358	2331710094	Tông Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	010100008101	An toàn hàng không
359	2331310408	Võ Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không
360	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	010100008101	An toàn hàng không
361	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	010100008101	An toàn hàng không
362	2331310515	Lê Anh	Quân	Nam	23ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không
363	2258130009	Phạm Trường	Tân	Nam	22ĐHQTVT1	010100008201	Quản trị nhân lực
364	2258130036	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	22ĐHQTTTH	010100008201	Quản trị nhân lực
365	2331310128	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100008201	Quản trị nhân lực
366	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100008201	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
367	2331320091	Phạm Tuyết	Nhi	Nữ	23ĐHNL04	010100008201	Quản trị nhân lực
368	2431320009	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
369	2431320034	Hồ Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
370	2431320035	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
371	2431320049	Dương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
372	2431320051	Phạm Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
373	2431320054	Trần Khoa	Văn	Nam	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
374	2431320056	Lê Phạm Hữu	An	Nam	24ĐHNL01	010100008201	Quản trị nhân lực
375	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100008201	Quản trị nhân lực
376	2431320095	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100008201	Quản trị nhân lực
377	2431320106	Bùi Ngọc Ánh	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100008201	Quản trị nhân lực
378	2431320111	Nguyễn Trần Giao	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100008201	Quản trị nhân lực
379	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100008201	Quản trị nhân lực
380	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100008202	Quản trị nhân lực
381	2431320013	Lê Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL01	010100008202	Quản trị nhân lực
382	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100008202	Quản trị nhân lực
383	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100008202	Quản trị nhân lực
384	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100008202	Quản trị nhân lực
385	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100008202	Quản trị nhân lực
386	2431320065	Ngô Phạm Thiên	Nga	Nữ	24ĐHNL02	010100008202	Quản trị nhân lực
387	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100008202	Quản trị nhân lực
388	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100008202	Quản trị nhân lực
389	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100008202	Quản trị nhân lực
390	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100008202	Quản trị nhân lực
391	2431320203	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNL04	010100008202	Quản trị nhân lực
392	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100008202	Quản trị nhân lực
393	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100008202	Quản trị nhân lực
394	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trình	Nữ	24ĐHNL05	010100008202	Quản trị nhân lực
395	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100008203	Quản trị nhân lực
396	2431320119	Trương Văn	Phát	Nam	24ĐHNL05	010100008203	Quản trị nhân lực
397	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100008203	Quản trị nhân lực
398	2431320254	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL05	010100008203	Quản trị nhân lực
399	2431320255	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNL05	010100008203	Quản trị nhân lực
400	2431320262	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL05	010100008203	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
401	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100008203	Quản trị nhân lực
402	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100008204	Quản trị nhân lực
403	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTTH2	010100008204	Quản trị nhân lực
404	2431320039	Nguyễn Ngọc Kim	Phú	Nữ	24ĐHNL01	010100008204	Quản trị nhân lực
405	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT04	010100008204	Quản trị nhân lực
406	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQTT04	010100008204	Quản trị nhân lực
407	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQTT04	010100008204	Quản trị nhân lực
408	2431320059	Trần Thị	Phượng	Nữ	24ĐHNL05	010100008204	Quản trị nhân lực
409	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQTT07	010100008204	Quản trị nhân lực
410	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQTT07	010100008204	Quản trị nhân lực
411	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQTT07	010100008204	Quản trị nhân lực
412	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
413	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
414	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
415	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
416	2431320114	Võ Quỳnh Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
417	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100008204	Quản trị nhân lực
418	2431320268	Trần Châu Phương	Nhi	Nữ	24ĐHNL05	010100008204	Quản trị nhân lực
419	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	24ĐHNL05	010100008204	Quản trị nhân lực
420	2431320289	Đoàn Huỳnh Hải	Yến	Nữ	24ĐHNL05	010100008204	Quản trị nhân lực
421	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTTVT1	010100008205	Quản trị nhân lực
422	2431320012	Phan Xuân	Trúc	Nữ	24ĐHNL01	010100008205	Quản trị nhân lực
423	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQTT02	010100008205	Quản trị nhân lực
424	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQTT02	010100008205	Quản trị nhân lực
425	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQTT02	010100008205	Quản trị nhân lực
426	2431320060	Đặng Tuấn	Anh	Nam	24ĐHNL05	010100008205	Quản trị nhân lực
427	2431320068	Vũ Đình Tâm	Anh	Nữ	24ĐHNL02	010100008205	Quản trị nhân lực
428	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100008205	Quản trị nhân lực
429	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100008205	Quản trị nhân lực
430	2431320175	Nguyễn Đặng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	010100008205	Quản trị nhân lực
431	2431320177	Lữ Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNL03	010100008205	Quản trị nhân lực
432	2431320215	Hồ Ngọc Đoan	Trang	Nữ	24ĐHNL04	010100008205	Quản trị nhân lực
433	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100008205	Quản trị nhân lực
434	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100008205	Quản trị nhân lực

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
435	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100010201	Luật kinh tế
436	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100010201	Luật kinh tế
437	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100010201	Luật kinh tế
438	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100010201	Luật kinh tế
439	2431310214	Vũ Thị Như	Ngọc	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
440	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
441	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
442	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
443	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
444	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
445	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100010202	Luật kinh tế
446	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100010202	Luật kinh tế
447	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	010100010202	Luật kinh tế
448	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	010100010202	Luật kinh tế
449	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100010202	Luật kinh tế
450	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100010202	Luật kinh tế
451	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010202	Luật kinh tế
452	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100010203	Luật kinh tế
453	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100010203	Luật kinh tế
454	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100010203	Luật kinh tế
455	2431310162	Nguyễn Thụy Thanh	Thư	Nữ	24ĐHQT03	010100010203	Luật kinh tế
456	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100010203	Luật kinh tế
457	2431310316	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHQT06	010100010203	Luật kinh tế
458	2431310318	Trần Hoàng Vân	Anh	Nữ	24ĐHQT06	010100010203	Luật kinh tế
459	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010204	Luật kinh tế
460	2431310394	Ngô Trần Phương	Uyên	Nữ	24ĐHQT07	010100010204	Luật kinh tế
461	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010204	Luật kinh tế
462	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100010204	Luật kinh tế
463	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010204	Luật kinh tế
464	2431310437	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHQT07	010100010204	Luật kinh tế
465	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100010205	Luật kinh tế
466	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100010205	Luật kinh tế
467	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100010205	Luật kinh tế
468	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100010205	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
469	2431310041	Đặng Triệu	Mẫn	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
470	2431310043	Thái Nguyễn Diệu	My	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
471	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
472	2431310052	Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
473	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
474	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
475	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQTT01	010100010205	Luật kinh tế
476	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQTT02	010100010205	Luật kinh tế
477	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQTT02	010100010205	Luật kinh tế
478	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQTT02	010100010205	Luật kinh tế
479	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQTT02	010100010205	Luật kinh tế
480	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT02	010100010205	Luật kinh tế
481	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQTT04	010100010205	Luật kinh tế
482	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQTT04	010100010205	Luật kinh tế
483	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100010206	Luật kinh tế
484	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQTT01	010100010206	Luật kinh tế
485	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQTT02	010100010206	Luật kinh tế
486	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQTT03	010100010206	Luật kinh tế
487	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQTT03	010100010206	Luật kinh tế
488	2431310435	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQTT07	010100010206	Luật kinh tế
489	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQTT09	010100010206	Luật kinh tế
490	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100010208	Luật kinh tế
491	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100010208	Luật kinh tế
492	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
493	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
494	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
495	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
496	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQTT04	010100010208	Luật kinh tế
497	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQTT04	010100010208	Luật kinh tế
498	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQTT04	010100010208	Luật kinh tế
499	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQTT04	010100010208	Luật kinh tế
500	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
501	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQTT01	010100010208	Luật kinh tế
502	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQTT04	010100010209	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
503	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100010209	Luật kinh tế
504	2431310407	Phạm Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
505	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
506	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
507	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
508	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
509	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
510	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100010209	Luật kinh tế
511	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100010210	Luật kinh tế (Economic Law)
512	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
513	2431740008	Hồ Quách	Thái	Nam	24ĐHKVC1	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
514	2431730012	Võ Minh	Hung	Nam	24ĐHDL01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
515	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
516	2431740050	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKV01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
517	2431730103	Nguyễn Tâm Phương	Thảo	Nữ	24ĐHDL01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
518	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDL04	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
519	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
520	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
521	2431310407	Phạm Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
522	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
523	2431740129	Đặng Thị Ý	Hoài	Nữ	24ĐHKVC1	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
524	2431320106	Bùi Ngọc Ánh	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
525	2431730388	Châu Trác Thái	Quân	Nữ	24ĐHDL04	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
526	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKV03	010100010501	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
527	2431310216	Trần Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
528	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
529	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
530	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
531	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
532	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
533	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
534	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trình	Nữ	24ĐHDL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
535	2431730179	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
536	2431730243	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDL03	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
537	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
538	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLC3	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
539	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
540	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
541	2431740209	Nguyễn Hoàng Tổ	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
542	2431740210	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
543	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
544	2431740234	Phạm Minh	Nhật	Nam	24ĐHKV03	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
545	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
546	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
547	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
548	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
549	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
550	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
551	2431740339	Tăng Thùy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
552	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
553	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
554	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
555	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDLC4	010100010503	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
556	2431740307	Trần Dương Thùy	Trâm	Nữ	24ĐHKV03	010100010503	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
557	2431310041	Đặng Triệu	Mẫn	Nữ	24ĐHQT01	010100010504	Kinh tế vĩ mô
558	2431310043	Thái Nguyễn Diệu	My	Nữ	24ĐHQT01	010100010504	Kinh tế vĩ mô
559	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100010504	Kinh tế vĩ mô
560	2431730231	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100010504	Kinh tế vĩ mô
561	2431730309	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHDLC4	010100010504	Kinh tế vĩ mô
562	2431730350	Trần Thiện Tâm	Như	Nữ	24ĐHDL03	010100010504	Kinh tế vĩ mô
563	2431730379	Chênh Vòng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100010504	Kinh tế vĩ mô
564	2431320192	Đỗ Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL04	010100010504	Kinh tế vĩ mô
565	2431740346	Trần Thị	Thu	Nữ	24ĐHKVC2	010100010504	Kinh tế vĩ mô
566	2431730405	Dương Trần Hải	Bình	Nam	24ĐHDL04	010100010504	Kinh tế vĩ mô
567	2431730016	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHDLC1	010100010505	Kinh tế vĩ mô
568	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100010505	Kinh tế vĩ mô
569	2431320012	Phan Xuân	Trúc	Nữ	24ĐHNL01	010100010505	Kinh tế vĩ mô
570	2431310232	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	24ĐHQT04	010100010505	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
571	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQQT07	010100010505	Kinh tế vĩ mô
572	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNLC02	010100010505	Kinh tế vĩ mô
573	2431730242	Lê Thị	Hòa	Nữ	24ĐHDL03	010100010505	Kinh tế vĩ mô
574	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDL03	010100010505	Kinh tế vĩ mô
575	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNLC02	010100010505	Kinh tế vĩ mô
576	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100010505	Kinh tế vĩ mô
577	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100010505	Kinh tế vĩ mô
578	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100010505	Kinh tế vĩ mô
579	2431320009	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
580	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQQT01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
581	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQQT01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
582	2431320034	Hồ Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
583	2431320035	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
584	2431320049	Dương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
585	2431320054	Trần Khoa	Văn	Nam	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
586	2431320056	Lê Phạm Hữu	An	Nam	24ĐHNLC01	010100010506	Kinh tế vĩ mô
587	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100010506	Kinh tế vĩ mô
588	2431730298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHDL03	010100010506	Kinh tế vĩ mô
589	2431730406	Trương Thị Phương	Hà	Nữ	24ĐHDL04	010100010506	Kinh tế vĩ mô
590	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQQT01	010100010507	Kinh tế vĩ mô
591	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQQT01	010100010507	Kinh tế vĩ mô
592	2431730128	Nguyễn Ánh	Hồng	Nữ	24ĐHDL04	010100010507	Kinh tế vĩ mô
593	2431320051	Phạm Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNLC01	010100010507	Kinh tế vĩ mô
594	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100010507	Kinh tế vĩ mô
595	2431320235	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	24ĐHNLC04	010100010507	Kinh tế vĩ mô
596	2431730394	Nguyễn Thủy Quý	Nhi	Nữ	24ĐHDL04	010100010507	Kinh tế vĩ mô
597	2431730024	Phan Thụy Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDL01	010100010508	Kinh tế vĩ mô
598	2431730066	Nguyễn Vy Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100010508	Kinh tế vĩ mô
599	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQQT02	010100010508	Kinh tế vĩ mô
600	2431730073	Phan Xuân	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100010508	Kinh tế vĩ mô
601	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQQT02	010100010508	Kinh tế vĩ mô
602	2431310162	Nguyễn Thụy Thanh	Thư	Nữ	24ĐHQQT03	010100010508	Kinh tế vĩ mô
603	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDL02	010100010508	Kinh tế vĩ mô
604	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDL02	010100010508	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
605	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC3	010100010508	Kinh tế vĩ mô
606	2431730263	Trương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHDL02	010100010508	Kinh tế vĩ mô
607	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100010508	Kinh tế vĩ mô
608	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	Nữ	22ĐHQTC1	010100010509	Kinh tế vĩ mô
609	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTTAN	010100010509	Kinh tế vĩ mô
610	2331740054	Đỗ Phương	Vy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100010509	Kinh tế vĩ mô
611	2331320191	Võ Trần Diễm	My	Nữ	23ĐHNL04	010100010509	Kinh tế vĩ mô
612	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQTT01	010100010509	Kinh tế vĩ mô
613	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	Nam	24ĐHDLC1	010100010509	Kinh tế vĩ mô
614	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQTT04	010100010509	Kinh tế vĩ mô
615	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQTT04	010100010509	Kinh tế vĩ mô
616	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQTT04	010100010509	Kinh tế vĩ mô
617	2431740095	Mai Diệp Thiên	Kim	Nữ	24ĐHKVC1	010100010509	Kinh tế vĩ mô
618	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100010509	Kinh tế vĩ mô
619	2431730301	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100010509	Kinh tế vĩ mô
620	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100010509	Kinh tế vĩ mô
621	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	24ĐHNL05	010100010509	Kinh tế vĩ mô
622	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQTT02	010100010510	Kinh tế vĩ mô
623	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKV01	010100010510	Kinh tế vĩ mô
624	2431320065	Ngô Phạm Thiên	Nga	Nữ	24ĐHNL02	010100010510	Kinh tế vĩ mô
625	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	010100010510	Kinh tế vĩ mô
626	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100010510	Kinh tế vĩ mô
627	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100010510	Kinh tế vĩ mô
628	2431320203	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNL04	010100010510	Kinh tế vĩ mô
629	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100010510	Kinh tế vĩ mô
630	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100010510	Kinh tế vĩ mô
631	2431730400	Lê Quỳnh Quế	Trâm	Nữ	24ĐHDL04	010100010510	Kinh tế vĩ mô
632	2431330002	Phạm Ngọc Trúc	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100010511	Kinh tế vĩ mô
633	2431730046	Trần Hoàng Hà	Phương	Nữ	24ĐHDLC1	010100010511	Kinh tế vĩ mô
634	2431310437	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHQTT07	010100010511	Kinh tế vĩ mô
635	2431330027	Thân Tùng	Lâm	Nam	24ĐHKQ01	010100010511	Kinh tế vĩ mô
636	2431730234	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100010511	Kinh tế vĩ mô
637	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQTT01	010100010512	Kinh tế vĩ mô
638	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHDL01	010100010512	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
639	2431330007	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	24ĐHKQ01	010100010512	Kinh tế vĩ mô
640	2431730127	Đổng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC2	010100010512	Kinh tế vĩ mô
641	2431730145	Nguyễn Thiên	An	Nữ	24ĐHDL02	010100010512	Kinh tế vĩ mô
642	2431310316	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHQT06	010100010512	Kinh tế vĩ mô
643	2431310318	Trần Hoàng Văn	Anh	Nữ	24ĐHQT06	010100010512	Kinh tế vĩ mô
644	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	010100010512	Kinh tế vĩ mô
645	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	010100010512	Kinh tế vĩ mô
646	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100010512	Kinh tế vĩ mô
647	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100010512	Kinh tế vĩ mô
648	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDL04	010100010512	Kinh tế vĩ mô
649	2431320122	Đỗ Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100010512	Kinh tế vĩ mô
650	2431320123	Nguyễn Yên	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100010512	Kinh tế vĩ mô
651	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100010512	Kinh tế vĩ mô
652	2431730385	Nguyễn Thị Yến	Vy	Nữ	24ĐHDL04	010100010512	Kinh tế vĩ mô
653	2431730411	Nguyễn Huyền Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHDL04	010100010512	Kinh tế vĩ mô
654	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100010513	Kinh tế vĩ mô
655	2431310423	Trương Tân	Phong	Nam	24ĐHQT07	010100010513	Kinh tế vĩ mô
656	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQT07	010100010513	Kinh tế vĩ mô
657	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
658	2431730308	Thân Thị Hơ	Mây	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
659	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
660	2431730342	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	24ĐHDL03	010100010513	Kinh tế vĩ mô
661	2431730371	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
662	2431730398	Đỗ Hoàng Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
663	2431730413	Chữ Thị Thanh	Hòa	Nữ	24ĐHDLC4	010100010513	Kinh tế vĩ mô
664	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100010514	Kinh tế vĩ mô
665	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100010514	Kinh tế vĩ mô
666	2431730245	Trần Ngọc Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	010100010514	Kinh tế vĩ mô
667	2431730251	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100010514	Kinh tế vĩ mô
668	2431730256	Nguyễn Hoàng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC3	010100010514	Kinh tế vĩ mô
669	2431730284	Nguyễn Hữu Minh	Khang	Nam	24ĐHDLC3	010100010514	Kinh tế vĩ mô
670	2431730287	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	24ĐHDLC3	010100010514	Kinh tế vĩ mô
671	2431740132	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHKV02	010100010514	Kinh tế vĩ mô
672	2431320149	Hồ Trần An	Khiết	Nữ	24ĐHNL03	010100010514	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
673	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100010514	Kinh tế vĩ mô
674	2431320013	Lê Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL01	010100010515	Kinh tế vĩ mô
675	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010515	Kinh tế vĩ mô
676	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100010515	Kinh tế vĩ mô
677	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ấn	Nữ	24ĐHDL03	010100010515	Kinh tế vĩ mô
678	2431730354	Tạ Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHDL03	010100010515	Kinh tế vĩ mô
679	2431330070	Nguyễn Bảo Gia	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100010515	Kinh tế vĩ mô
680	2431730045	Trần Lê Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100010516	Kinh tế vĩ mô
681	2431730065	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDL01	010100010516	Kinh tế vĩ mô
682	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100010516	Kinh tế vĩ mô
683	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQT03	010100010516	Kinh tế vĩ mô
684	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100010516	Kinh tế vĩ mô
685	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100010516	Kinh tế vĩ mô
686	2431730095	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	Nữ	24ĐHDL01	010100010516	Kinh tế vĩ mô
687	2431310214	Vũ Thị Như	Ngọc	Nữ	24ĐHQT04	010100010516	Kinh tế vĩ mô
688	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010516	Kinh tế vĩ mô
689	2431320215	Hồ Ngọc Đoan	Trang	Nữ	24ĐHNL04	010100010516	Kinh tế vĩ mô
690	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTTH2	010100010517	Kinh tế vĩ mô
691	2431310052	Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT01	010100010517	Kinh tế vĩ mô
692	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQT02	010100010517	Kinh tế vĩ mô
693	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100010517	Kinh tế vĩ mô
694	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT04	010100010517	Kinh tế vĩ mô
695	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100010517	Kinh tế vĩ mô
696	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL02	010100010517	Kinh tế vĩ mô
697	2431320084	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	24ĐHNL02	010100010517	Kinh tế vĩ mô
698	2431730235	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHDL03	010100010517	Kinh tế vĩ mô
699	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100010517	Kinh tế vĩ mô
700	2431730278	Trần Trịnh Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100010517	Kinh tế vĩ mô
701	2431730294	Nguyễn Tài	Tú	Nam	24ĐHDL03	010100010517	Kinh tế vĩ mô
702	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100010517	Kinh tế vĩ mô
703	2431320181	Lưu Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL04	010100010517	Kinh tế vĩ mô
704	2431320188	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL04	010100010517	Kinh tế vĩ mô
705	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100010517	Kinh tế vĩ mô
706	2431320230	Ngô Nguyễn Tố	Trình	Nữ	24ĐHNL04	010100010517	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
707	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100010517	Kinh tế vĩ mô
708	2255130063	Bùi Đoàn Nguyễn	Hưng	Nam	22ĐHDL01	010100010518	Kinh tế vĩ mô
709	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100010518	Kinh tế vĩ mô
710	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	010100010518	Kinh tế vĩ mô
711	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100010518	Kinh tế vĩ mô
712	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100010518	Kinh tế vĩ mô
713	2431730102	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100010518	Kinh tế vĩ mô
714	2431320043	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100010518	Kinh tế vĩ mô
715	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100010518	Kinh tế vĩ mô
716	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100010518	Kinh tế vĩ mô
717	2431320039	Nguyễn Ngọc Kim	Phú	Nữ	24ĐHNL01	010100010519	Kinh tế vĩ mô
718	2431730092	Đào Hoàng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDL04	010100010519	Kinh tế vĩ mô
719	2431320060	Đặng Tuấn	Anh	Nam	24ĐHNL05	010100010519	Kinh tế vĩ mô
720	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100010519	Kinh tế vĩ mô
721	2431320094	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHNL02	010100010519	Kinh tế vĩ mô
722	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDL03	010100010519	Kinh tế vĩ mô
723	2431320114	Võ Quỳnh Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100010519	Kinh tế vĩ mô
724	2431730410	Trần Lê	Vy	Nữ	24ĐHDL04	010100010519	Kinh tế vĩ mô
725	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010519	Kinh tế vĩ mô
726	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
727	2431730069	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
728	2431730081	Lê Hiếu	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
729	2431730125	Lê Việt Bảo	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
730	2431310394	Ngô Trần Phương	Uyên	Nữ	24ĐHQT07	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
731	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
732	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
733	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
734	2431730212	Vương Minh	Huệ	Nữ	24ĐHDL02	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
735	2431730275	Ngô Thị Tuyết	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100010520	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
736	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
737	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
738	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
739	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
740	2431730071	Mạnh Lê Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
741	2431730080	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24ĐHDLC1	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
742	2431730083	Lê Hồ Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHDLC1	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
743	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQQT04	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
744	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQQT04	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
745	2431730220	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
746	2431730221	Tổng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	24ĐHDL02	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
747	2431320095	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
748	2431740261	Nguyễn Thái	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
749	2431740272	Đoàn Diệu	Linh	Nữ	24ĐHKV03	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
750	2431740274	Phan Thị Cẩm	Nhung	Nữ	24ĐHKV03	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
751	2431740291	Ngô Anh	Tài	Nam	24ĐHKV03	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
752	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDL04	010100010521	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
753	2431730004	Nguyễn Phú Hà	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
754	2431730017	Lê Quang	Vinh	Nam	24ĐHDLC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
755	2431730021	Vũ Ngô Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
756	2431730027	Trương Thị Thanh	Tú	Nữ	24ĐHDLC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
757	2431730035	Võ Thủy	Tiên	Nữ	24ĐHDL01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
758	2431730057	Nguyễn Lê Uyên	My	Nữ	24ĐHDLC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
759	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQQT02	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
760	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQQT02	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
761	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
762	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQQT02	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
763	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQQT02	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
764	2431740059	Trần Phạm Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHKVC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
765	2431730120	Vũ Huệ	Phương	Nữ	24ĐHDL01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
766	2431730121	Huỳnh Như	Ý	Nữ	24ĐHDL01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
767	2431740077	Nguyễn Phúc	Hưng	Nam	24ĐHKVC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
768	2431740081	Trịnh Nhật	Minh	Nam	24ĐHKVC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
769	2431740088	Trần Lê	Anh	Nam	24ĐHKV01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
770	2431730152	Phan Vũ Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
771	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyển	Nữ	24ĐHDL04	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
772	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
773	2431740141	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
774	2431730352	Phạm Thảo	Ly	Nữ	24ĐHDL03	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
775	2431330044	Phạm Thúy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100010522	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
776	2431730105	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	24ĐHDLC2	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
777	2431740111	Vi Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
778	2431730296	Huỳnh Võ Hồng	Anh	Nữ	24ĐHDL04	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
779	2431730307	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
780	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
781	2431730380	Trần Thị Ngọc	Diệp	Nữ	24ĐHDL04	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
782	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDL04	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
783	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
784	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trình	Nữ	24ĐHNL05	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
785	2431740288	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKV03	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
786	2431740303	Nhan Kim	Dung	Nữ	24ĐHKV03	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
787	2431730408	Nguyễn Lê Hoàng	My	Nữ	24ĐHDL04	010100010523	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
788	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDL01	010100010533	Kinh tế vĩ mô
789	2431320029	Trương Hồng Tuyết	Như	Nữ	24ĐHNL01	010100010533	Kinh tế vĩ mô
790	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDL01	010100010533	Kinh tế vĩ mô
791	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDL04	010100010533	Kinh tế vĩ mô
792	2431320059	Trần Thị	Phượng	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
793	2431730206	Phạm Lê Bảo	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100010533	Kinh tế vĩ mô
794	2431730244	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	Nam	24ĐHDLC3	010100010533	Kinh tế vĩ mô
795	2431730271	Mai	Khôi	Nữ	24ĐHDLC3	010100010533	Kinh tế vĩ mô
796	2431730282	Trịnh Tuyết	Nhi	Nữ	24ĐHDLC3	010100010533	Kinh tế vĩ mô
797	2431730291	Nguyễn Ngọc	Thy	Nữ	24ĐHDLC3	010100010533	Kinh tế vĩ mô
798	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLC3	010100010533	Kinh tế vĩ mô
799	2431320119	Trương Văn	Phát	Nam	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
800	2431740157	Hồ Thị Trang	Nhung	Nữ	24ĐHKV02	010100010533	Kinh tế vĩ mô
801	2431320254	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
802	2431320255	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
803	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100010533	Kinh tế vĩ mô
804	2431320262	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
805	2431320268	Trần Châu Phương	Nhi	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
806	2431740327	Võ Thủy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100010533	Kinh tế vĩ mô
807	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100010533	Kinh tế vĩ mô
808	2431740340	Cao Thị Ngọc	Nhi	Nữ	24ĐHKVC2	010100010533	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
809	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
810	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKV02	010100010533	Kinh tế vĩ mô
811	2431320289	Đoàn Huỳnh Hải	Yến	Nữ	24ĐHNL05	010100010533	Kinh tế vĩ mô
812	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100010534	Kinh tế vĩ mô
813	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100010534	Kinh tế vĩ mô
814	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100010534	Kinh tế vĩ mô
815	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100010534	Kinh tế vĩ mô
816	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDLC2	010100010534	Kinh tế vĩ mô
817	2431730191	Nguyễn Đan Khả	Nhi	Nữ	24ĐHDL02	010100010534	Kinh tế vĩ mô
818	2431320080	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	24ĐHNL02	010100010534	Kinh tế vĩ mô
819	2431730260	Phạm Lê Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHDLC3	010100010534	Kinh tế vĩ mô
820	2431730268	Đào Thị Kiều	Ninh	Nữ	24ĐHDLC3	010100010534	Kinh tế vĩ mô
821	2431740336	Nguyễn Hải	Ngân	Nữ	24ĐHKVC2	010100010534	Kinh tế vĩ mô
822	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
823	2431730150	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
824	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
825	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
826	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
827	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
828	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDLC2	010100010535	Kinh tế vĩ mô
829	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100010535	Kinh tế vĩ mô
830	2431320161	Nguyễn Ngọc Duy	Tiên	Nữ	24ĐHNL03	010100010535	Kinh tế vĩ mô
831	2431320175	Nguyễn Đặng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	010100010535	Kinh tế vĩ mô
832	2431320177	Lữ Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNL03	010100010535	Kinh tế vĩ mô
833	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
834	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
835	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
836	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
837	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
838	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
839	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
840	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
841	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDL01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
842	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100010536	Kinh tế vĩ mô

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
843	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQQT07	010100010536	Kinh tế vĩ mô
844	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
845	2431730290	Vũ Đặng Hà	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100010536	Kinh tế vĩ mô
846	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
847	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQQT01	010100010536	Kinh tế vĩ mô
848	2431320111	Nguyễn Trần Giao	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100010537	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
849	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100010537	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
850	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100010537	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
851	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKV02	010100010537	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
852	2431730422	Đỗ Chí	Quyền	Nam	24ĐHDL02	010100010537	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
853	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDL04	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
854	2431730141	Võ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24ĐHDL04	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
855	2431310435	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQQT07	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
856	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
857	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
858	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC3	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
859	2431730349	Trần Quỳnh	Nga	Nữ	24ĐHDLC4	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
860	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
861	2431740233	Đinh Lý	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
862	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	Nam	24ĐHKV03	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
863	2431730399	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
864	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDL04	010100010538	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)
865	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQQT01	010100010701	Nguyên lý kế toán
866	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQQT01	010100010701	Nguyên lý kế toán
867	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQQT02	010100010701	Nguyên lý kế toán
868	2431320123	Nguyễn Yến	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100010701	Nguyên lý kế toán
869	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100010701	Nguyên lý kế toán
870	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
871	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
872	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
873	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
874	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
875	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
876	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQQT02	010100010702	Nguyên lý kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
877	2431320039	Nguyễn Ngọc Kim	Phú	Nữ	24ĐHNL01	010100010702	Nguyên lý kế toán
878	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100010702	Nguyên lý kế toán
879	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100010702	Nguyên lý kế toán
880	2431320106	Bùi Ngọc Ánh	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100010702	Nguyên lý kế toán
881	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
882	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQT01	010100010702	Nguyên lý kế toán
883	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQT01	010100010703	Nguyên lý kế toán
884	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100010703	Nguyên lý kế toán
885	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100010703	Nguyên lý kế toán
886	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100010703	Nguyên lý kế toán
887	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100010703	Nguyên lý kế toán
888	2431320029	Trương Hồng Tuyết	Như	Nữ	24ĐHNL01	010100010703	Nguyên lý kế toán
889	2431320049	Dương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100010703	Nguyên lý kế toán
890	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100010703	Nguyên lý kế toán
891	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trình	Nữ	24ĐHNL05	010100010703	Nguyên lý kế toán
892	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010703	Nguyên lý kế toán
893	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100010704	Nguyên lý kế toán
894	2431310041	Đặng Triệu	Mẫn	Nữ	24ĐHQT01	010100010704	Nguyên lý kế toán
895	2431310043	Thái Nguyễn Diệu	My	Nữ	24ĐHQT01	010100010704	Nguyên lý kế toán
896	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQT03	010100010704	Nguyên lý kế toán
897	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100010704	Nguyên lý kế toán
898	2431320043	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100010704	Nguyên lý kế toán
899	2431310214	Vũ Thị Như	Ngọc	Nữ	24ĐHQT04	010100010704	Nguyên lý kế toán
900	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100010704	Nguyên lý kế toán
901	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010704	Nguyên lý kế toán
902	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100010704	Nguyên lý kế toán
903	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100010704	Nguyên lý kế toán
904	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100010704	Nguyên lý kế toán
905	2431320111	Nguyễn Trần Giao	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100010704	Nguyên lý kế toán
906	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100010704	Nguyên lý kế toán
907	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100010704	Nguyên lý kế toán
908	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100010705	Nguyên lý kế toán
909	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100010705	Nguyên lý kế toán
910	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100010705	Nguyên lý kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
911	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100010705	Nguyên lý kế toán
912	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100010705	Nguyên lý kế toán
913	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100010705	Nguyên lý kế toán
914	2431320203	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNL04	010100010705	Nguyên lý kế toán
915	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
916	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
917	2431310216	Trần Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
918	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
919	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
920	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
921	2431310232	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
922	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
923	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100010706	Nguyên lý kế toán
924	2431320051	Phạm Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL01	010100010706	Nguyên lý kế toán
925	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	010100010706	Nguyên lý kế toán
926	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	010100010706	Nguyên lý kế toán
927	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
928	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
929	2431310423	Trương Tấn	Phong	Nam	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
930	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
931	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
932	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100010706	Nguyên lý kế toán
933	2431320095	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010706	Nguyên lý kế toán
934	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100010706	Nguyên lý kế toán
935	2431320161	Nguyễn Ngọc Duy	Tiên	Nữ	24ĐHNL03	010100010706	Nguyên lý kế toán
936	2431320175	Nguyễn Đặng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	010100010706	Nguyên lý kế toán
937	2431320177	Lữ Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNL03	010100010706	Nguyên lý kế toán
938	2431320009	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán
939	2431320013	Lê Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán
940	2431310052	Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT01	010100010707	Nguyên lý kế toán
941	2431320034	Hồ Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán
942	2431320035	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán
943	2431320054	Trần Khoa	Văn	Nam	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán
944	2431320056	Lê Phạm Hữu	An	Nam	24ĐHNL01	010100010707	Nguyên lý kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
945	2431320065	Ngô Phạm Thiên	Nga	Nữ	24ĐHNL02	010100010707	Nguyên lý kế toán
946	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100010707	Nguyên lý kế toán
947	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100010707	Nguyên lý kế toán
948	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010707	Nguyên lý kế toán
949	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100010707	Nguyên lý kế toán
950	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100010707	Nguyên lý kế toán
951	2431320126	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100010707	Nguyên lý kế toán
952	2431320149	Hồ Trần An	Khiết	Nữ	24ĐHNL03	010100010707	Nguyên lý kế toán
953	2431320268	Trần Châu Phương	Nhi	Nữ	24ĐHNL05	010100010707	Nguyên lý kế toán
954	2431320289	Đoàn Huỳnh Hải	Yến	Nữ	24ĐHNL05	010100010707	Nguyên lý kế toán
955	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100010708	Nguyên lý kế toán
956	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100010708	Nguyên lý kế toán
957	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100010708	Nguyên lý kế toán
958	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100010708	Nguyên lý kế toán
959	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100010708	Nguyên lý kế toán
960	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100010708	Nguyên lý kế toán
961	2431310437	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHQT07	010100010708	Nguyên lý kế toán
962	2431320235	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	24ĐHNL04	010100010708	Nguyên lý kế toán
963	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100010709	Nguyên lý kế toán
964	2431310162	Nguyễn Thụy Thanh	Thư	Nữ	24ĐHQT03	010100010709	Nguyên lý kế toán
965	2431310316	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHQT06	010100010709	Nguyên lý kế toán
966	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100010709	Nguyên lý kế toán
967	2431310318	Trần Hoàng Văn	Anh	Nữ	24ĐHQT06	010100010709	Nguyên lý kế toán
968	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100010709	Nguyên lý kế toán
969	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100010709	Nguyên lý kế toán
970	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100010709	Nguyên lý kế toán
971	2431320188	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL04	010100010709	Nguyên lý kế toán
972	2431320215	Hồ Ngọc Đoan	Trang	Nữ	24ĐHNL04	010100010709	Nguyên lý kế toán
973	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100010709	Nguyên lý kế toán
974	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100010709	Nguyên lý kế toán
975	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	24ĐHNL05	010100010709	Nguyên lý kế toán
976	2431320012	Phan Xuân	Trúc	Nữ	24ĐHNL01	010100010711	Nguyên lý kế toán
977	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT04	010100010711	Nguyên lý kế toán
978	2431310407	Phạm Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100010711	Nguyên lý kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
979	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100010711	Nguyên lý kế toán
980	2431320114	Võ Quỳnh Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100010711	Nguyên lý kế toán
981	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100010711	Nguyên lý kế toán
982	2431320181	Lưu Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL04	010100010711	Nguyên lý kế toán
983	2431320230	Ngô Nguyễn Tố	Trình	Nữ	24ĐHNL04	010100010711	Nguyên lý kế toán
984	2331310403	Tô Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100010712	Nguyên lý kế toán
985	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100010712	Nguyên lý kế toán
986	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100010712	Nguyên lý kế toán
987	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQT04	010100010712	Nguyên lý kế toán
988	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100010712	Nguyên lý kế toán
989	2431320080	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	24ĐHNL02	010100010712	Nguyên lý kế toán
990	2431320084	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	24ĐHNL02	010100010712	Nguyên lý kế toán
991	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100010713	Nguyên lý kế toán
992	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100010713	Nguyên lý kế toán
993	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100010713	Nguyên lý kế toán
994	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100010713	Nguyên lý kế toán
995	2431320192	Đỗ Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL04	010100010713	Nguyên lý kế toán
996	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100010713	Nguyên lý kế toán
997	2431320254	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL05	010100010713	Nguyên lý kế toán
998	2431320255	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNL05	010100010713	Nguyên lý kế toán
999	2431320262	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL05	010100010713	Nguyên lý kế toán
1000	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100010714	Nguyên lý kế toán
1001	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100010714	Nguyên lý kế toán
1002	2431320060	Đặng Tuấn	Anh	Nam	24ĐHNL05	010100010714	Nguyên lý kế toán
1003	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100010714	Nguyên lý kế toán
1004	2431320094	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHNL02	010100010714	Nguyên lý kế toán
1005	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100010714	Nguyên lý kế toán
1006	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100010714	Nguyên lý kế toán
1007	2431320119	Trương Văn	Phát	Nam	24ĐHNL05	010100010715	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)
1008	1751010460	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	17ĐHQTC	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1009	2253410013	Huỳnh Ngọc Xuân	Mai	Nữ	22ĐHQTC1	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1010	2253410284	Đoàn Nguyễn Phương	Mai	Nữ	22ĐHQTTH	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1011	2258130009	Phạm Trường	Tân	Nam	22ĐHQTVT1	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1012	2258130036	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	22ĐHQTTH	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1013	2258130072	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	22ĐHQTTTH	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1014	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22ĐHQTTTH	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1015	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1016	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100011001	Lý thuyết tài chính tiền tệ
1017	1751010460	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	17ĐHQTC	010100011401	Quản trị chất lượng
1018	2253410136	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	22ĐHQTC2	010100011401	Quản trị chất lượng
1019	2258130036	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	22ĐHQTTTH	010100011401	Quản trị chất lượng
1020	2258130072	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	22ĐHQTTTH	010100011401	Quản trị chất lượng
1021	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100011401	Quản trị chất lượng
1022	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100011401	Quản trị chất lượng
1023	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011503	Quản trị chiến lược
1024	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011503	Quản trị chiến lược
1025	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011503	Quản trị chiến lược
1026	2331320071	Lê Như	Quỳnh	Nữ	23ĐHNL02	010100011503	Quản trị chiến lược
1027	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011503	Quản trị chiến lược
1028	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100011503	Quản trị chiến lược
1029	2331320001	Hồ Ngọc Thuy	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100011504	Quản trị chiến lược
1030	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100011504	Quản trị chiến lược
1031	2331320141	Huỳnh Lê Xuân	Mai	Nữ	23ĐHNL04	010100011504	Quản trị chiến lược
1032	2331320147	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	23ĐHNL03	010100011504	Quản trị chiến lược
1033	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	Nữ	23ĐHNL03	010100011504	Quản trị chiến lược
1034	2331320185	Huỳnh Thị Tú	Uyên	Nữ	23ĐHNL04	010100011504	Quản trị chiến lược
1035	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	23ĐHNL04	010100011504	Quản trị chiến lược
1036	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100011505	Quản trị chiến lược
1037	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100011505	Quản trị chiến lược
1038	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100011505	Quản trị chiến lược
1039	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100011505	Quản trị chiến lược
1040	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100011505	Quản trị chiến lược
1041	2331310408	Võ Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC3	010100011505	Quản trị chiến lược
1042	2331310410	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100011505	Quản trị chiến lược
1043	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100011505	Quản trị chiến lược
1044	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	010100011505	Quản trị chiến lược
1045	2331320191	Võ Trần Diễm	My	Nữ	23ĐHNL04	010100011505	Quản trị chiến lược
1046	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100011506	Quản trị chiến lược

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1047	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011506	Quản trị chiến lược
1048	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100011506	Quản trị chiến lược
1049	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100011506	Quản trị chiến lược
1050	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100011506	Quản trị chiến lược
1051	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100011506	Quản trị chiến lược
1052	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100011506	Quản trị chiến lược
1053	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100011506	Quản trị chiến lược
1054	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100011506	Quản trị chiến lược
1055	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100011506	Quản trị chiến lược
1056	2331320049	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	010100011507	Quản trị chiến lược
1057	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011508	Quản trị chiến lược
1058	2331320018	Lê Nguyễn Minh	Anh	Nữ	23ĐHNL01	010100011508	Quản trị chiến lược
1059	2331310208	Võ Thị Ngân	Xuyến	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011508	Quản trị chiến lược
1060	2331320020	Trần Huỳnh Nam	Anh	Nữ	23ĐHNL04	010100011508	Quản trị chiến lược
1061	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	Nữ	23ĐHQTC2	010100011508	Quản trị chiến lược
1062	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100011508	Quản trị chiến lược
1063	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTTH2	010100011508	Quản trị chiến lược
1064	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011509	Quản trị chiến lược
1065	2331310100	Lê Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011509	Quản trị chiến lược
1066	2331310128	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100011509	Quản trị chiến lược
1067	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011509	Quản trị chiến lược
1068	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011509	Quản trị chiến lược
1069	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011509	Quản trị chiến lược
1070	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100011509	Quản trị chiến lược
1071	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100011509	Quản trị chiến lược
1072	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100011509	Quản trị chiến lược
1073	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100011509	Quản trị chiến lược
1074	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100011509	Quản trị chiến lược
1075	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100011509	Quản trị chiến lược
1076	2331320168	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	23ĐHNL03	010100011509	Quản trị chiến lược
1077	2331310398	Nguyễn Vũ Hà	My	Nữ	23ĐHQTC3	010100011509	Quản trị chiến lược
1078	2331310434	Đào Thị Thuý	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100011509	Quản trị chiến lược
1079	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011509	Quản trị chiến lược
1080	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100011509	Quản trị chiến lược

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1081	2331320133	Chu Thị Mỹ	Vy	Nữ	23ĐHNL03	010100011510	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1082	2331320155	Nguyễn Phạm Trà	My	Nữ	23ĐHNL03	010100011510	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1083	2331310505	Thái Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC3	010100011510	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1084	2331310508	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTC3	010100011510	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1085	2331310526	Phan Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100011510	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1086	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trinh	Nữ	23ĐHQTC1	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1087	2331320011	Trần Lê Yên	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1088	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1089	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1090	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1091	2331320136	Nguyễn Ngọc Kim	Thanh	Nữ	23ĐHNL03	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1092	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1093	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1094	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1095	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1096	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1097	2331310387	Đào Yên	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1098	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1099	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1100	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1101	2331310603	Nguyễn Thái Bảo	Ngân	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100011511	Quản trị chiến lược (Strategic Management)
1102	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100011512	Quản trị chiến lược
1103	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100011512	Quản trị chiến lược
1104	2331310370	Đỗ Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC3	010100011512	Quản trị chiến lược
1105	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100011512	Quản trị chiến lược
1106	2331310390	Hồ Ngọc Yên	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100011512	Quản trị chiến lược
1107	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100011512	Quản trị chiến lược
1108	2331320173	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐHNL03	010100011512	Quản trị chiến lược
1109	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100011512	Quản trị chiến lược
1110	2331310515	Lê Anh	Quân	Nam	23ĐHQTC3	010100011513	Quản trị chiến lược
1111	2331320213	Ngô Hồng	Thanh	Nữ	23ĐHNL04	010100011513	Quản trị chiến lược
1112	2331310589	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100011513	Quản trị chiến lược
1113	2253440018	Võ Thanh	Trọng	Nam	22ĐHNL01	010100011515	Quản trị chiến lược
1114	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100011515	Quản trị chiến lược

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1115	2331320126	Phạm Phương	Nhi	Nữ	23ĐHNL03	010100011515	Quản trị chiến lược
1116	2331320179	Huỳnh Hiếu	Ngân	Nữ	23ĐHNL03	010100011515	Quản trị chiến lược
1117	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100011515	Quản trị chiến lược
1118	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100011515	Quản trị chiến lược
1119	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100011515	Quản trị chiến lược
1120	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100011515	Quản trị chiến lược
1121	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHNL02	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1122	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1123	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1124	2331310100	Lê Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1125	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1126	2331320071	Lê Như	Quỳnh	Nữ	23ĐHNL02	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1127	2331320147	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	23ĐHNL03	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1128	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1129	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1130	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100011601	Nghệ thuật Lãnh đạo
1131	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011602	Nghệ thuật Lãnh đạo
1132	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100011602	Nghệ thuật Lãnh đạo
1133	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100011901	Quản trị Marketing
1134	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100011902	Quản trị Marketing
1135	2331320071	Lê Như	Quỳnh	Nữ	23ĐHNL02	010100011902	Quản trị Marketing
1136	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100011902	Quản trị Marketing
1137	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100011902	Quản trị Marketing
1138	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100011902	Quản trị Marketing
1139	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100011902	Quản trị Marketing
1140	2331320011	Trần Lê Yến	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100011903	Quản trị Marketing
1141	2331320018	Lê Nguyễn Minh	Anh	Nữ	23ĐHNL01	010100011903	Quản trị Marketing
1142	2331320020	Trần Huỳnh Nam	Anh	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1143	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1144	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1145	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100011903	Quản trị Marketing
1146	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100011903	Quản trị Marketing
1147	2331320136	Nguyễn Ngọc Kim	Thanh	Nữ	23ĐHNL03	010100011903	Quản trị Marketing
1148	2331320141	Huỳnh Lê Xuân	Mai	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1149	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100011903	Quản trị Marketing
1150	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100011903	Quản trị Marketing
1151	2331320173	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐHNL03	010100011903	Quản trị Marketing
1152	2331320185	Huỳnh Thị Tú	Uyên	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1153	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1154	2331320191	Võ Trần Diễm	My	Nữ	23ĐHNL04	010100011903	Quản trị Marketing
1155	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100011904	Quản trị Marketing
1156	2331320126	Phạm Phương	Nhi	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1157	2331320133	Chu Thị Mỹ	Vy	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1158	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1159	2331320155	Nguyễn Phạm Trà	My	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1160	2331320168	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1161	2331320179	Huỳnh Hiếu	Ngân	Nữ	23ĐHNL03	010100011904	Quản trị Marketing
1162	2331320213	Ngô Hồng	Thanh	Nữ	23ĐHNL04	010100011904	Quản trị Marketing
1163	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1164	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1165	2331320147	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	23ĐHNL03	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1166	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1167	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQT02	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1168	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1169	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1170	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100012301	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1171	2331320071	Lê Như	Quỳnh	Nữ	23ĐHNL02	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1172	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1173	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1174	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1175	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1176	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQT01	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1177	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1178	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1179	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1180	2431310435	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT07	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1181	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1182	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	Nữ	23ĐHNL03	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1183	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1184	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQT02	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1185	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1186	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1187	2431310316	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHQT06	010100012303	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1188	2431310162	Nguyễn Thụy Thanh	Thư	Nữ	24ĐHQT03	010100012304	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1189	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT04	010100012304	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1190	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1191	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1192	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1193	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1194	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1195	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQT02	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1196	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1197	2431310216	Trần Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1198	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1199	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1200	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1201	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1202	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100012305	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1203	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1204	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1205	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1206	2431310423	Trương Tân	Phong	Nam	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1207	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1208	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1209	2431310437	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHQT07	010100012306	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1210	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	22ĐHQTTTH	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1211	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1212	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1213	2431310232	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	24ĐHQT04	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1214	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1215	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1216	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1217	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100012307	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1218	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQT04	010100012308	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1219	2431310318	Trần Hoàng Vân	Anh	Nữ	24ĐHQT06	010100012308	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1220	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1221	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1222	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1223	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1224	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1225	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1226	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1227	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1228	2431310041	Đặng Triệu	Mẫn	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1229	2431310043	Thái Nguyễn Diệu	My	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1230	2431310052	Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1231	2431310054	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1232	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1233	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1234	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQT03	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1235	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1236	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT04	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1237	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQT04	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1238	2431310214	Vũ Thị Như	Ngọc	Nữ	24ĐHQT04	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1239	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1240	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1241	2431310407	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1242	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1243	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQT01	010100012309	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1244	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1245	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1246	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1247	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1248	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1249	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100012310	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)
1250	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100017101	Quản trị tài chính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1251	2331740084	Vũ Gia	Linh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100017101	Quản trị tài chính
1252	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017101	Quản trị tài chính
1253	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1254	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017101	Quản trị tài chính
1255	2331310370	Đỗ Nguyễn Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1256	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1257	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1258	2331310374	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1259	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1260	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1261	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100017101	Quản trị tài chính
1262	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100017101	Quản trị tài chính
1263	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100017102	Quản trị tài chính
1264	2331740222	Nguyễn Cao Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100017102	Quản trị tài chính
1265	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100017102	Quản trị tài chính
1266	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	Nữ	23ĐHNL03	010100017102	Quản trị tài chính
1267	2331310399	Tô Hồng	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017102	Quản trị tài chính
1268	2331310424	Huỳnh Vân	Khanh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100017102	Quản trị tài chính
1269	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100017102	Quản trị tài chính
1270	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100017103	Quản trị tài chính
1271	2331310562	Nguyễn Tổng Khánh	Linh	Nữ	23ĐHQTTAN	010100017103	Quản trị tài chính
1272	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100017103	Quản trị tài chính
1273	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100017104	Quản trị tài chính
1274	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	Nữ	23ĐHQTC2	010100017104	Quản trị tài chính
1275	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTTAN	010100017104	Quản trị tài chính
1276	2331740236	Châu Hiệp	Phát	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100017104	Quản trị tài chính
1277	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100017104	Quản trị tài chính
1278	2331310403	Tô Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100017104	Quản trị tài chính
1279	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100017104	Quản trị tài chính
1280	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100017104	Quản trị tài chính
1281	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100017105	Quản trị tài chính
1282	2331310100	Lê Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100017105	Quản trị tài chính
1283	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100017105	Quản trị tài chính
1284	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100017105	Quản trị tài chính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1285	2331310367	Trần Hà Nam	Phuong	Nữ	23ĐHQTC3	010100017105	Quản trị tài chính
1286	2331310378	Mai Thị	Huong	Nữ	23ĐHQTC3	010100017105	Quản trị tài chính
1287	2331730140	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23ĐHDL03	010100017105	Quản trị tài chính
1288	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100017106	Quản trị tài chính
1289	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100017106	Quản trị tài chính
1290	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100017106	Quản trị tài chính
1291	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100017106	Quản trị tài chính
1292	2331310410	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100017106	Quản trị tài chính
1293	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC1	010100017106	Quản trị tài chính
1294	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100017106	Quản trị tài chính
1295	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100017106	Quản trị tài chính
1296	2250000120	Phạm Nguyễn Minh	Vi	Nữ	22ĐHKVLQ2	010100017107	Quản trị tài chính
1297	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1298	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1299	2331310408	Võ Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1300	2331310434	Đào Thị Thuý	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100017107	Quản trị tài chính
1301	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017107	Quản trị tài chính
1302	2331310505	Thái Bảo	Ngoc	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1303	2331310508	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1304	2331310526	Phan Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100017107	Quản trị tài chính
1305	2331310603	Nguyễn Thái Bảo	Ngân	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017107	Quản trị tài chính
1306	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100017108	Quản trị tài chính
1307	2331310208	Võ Thị Ngân	Xuyến	Nữ	23ĐHQTVT2	010100017108	Quản trị tài chính
1308	2331740086	Huỳnh Thị Thảo	Anh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100017108	Quản trị tài chính
1309	2331310511	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	23ĐHQATAN	010100017108	Quản trị tài chính
1310	2201150068	Lê Anh	Thái	Nam	22ĐHQTVT2	010100017109	Quản trị tài chính
1311	2331310056	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100017109	Quản trị tài chính
1312	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100017109	Quản trị tài chính
1313	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100017109	Quản trị tài chính
1314	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100017109	Quản trị tài chính
1315	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100017109	Quản trị tài chính
1316	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100017109	Quản trị tài chính
1317	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100017109	Quản trị tài chính
1318	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100017110	Quản trị tài chính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1319	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017110	Quản trị tài chính
1320	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017110	Quản trị tài chính
1321	2331740174	Lê Hoàng	Dung	Nữ	23ĐHKVLD02	010100017110	Quản trị tài chính
1322	2331740207	Đàm Thị	Nương	Nữ	23ĐHKVLD02	010100017110	Quản trị tài chính
1323	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100017110	Quản trị tài chính
1324	2331310398	Nguyễn Vũ Hà	My	Nữ	23ĐHQTC3	010100017110	Quản trị tài chính
1325	2431740303	Nhan Kim	Dung	Nữ	24ĐHKV03	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1326	2431740346	Trần Thị	Thu	Nữ	24ĐHKVC2	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1327	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1328	2250000086	Lê Tuyết	Trình	Nữ	22ĐHKVKH	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1329	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLD01	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1330	2431740008	Hồ Quách	Thái	Nam	24ĐHKVC1	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1331	2431740050	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKV01	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1332	2431740081	Trịnh Nhật	Minh	Nam	24ĐHKVC1	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1333	2431740088	Trần Lê	Anh	Nam	24ĐHKV01	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1334	2431740129	Đặng Thị Ý	Hoài	Nữ	24ĐHKVC1	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1335	2431740157	Hồ Thị Trang	Nhung	Nữ	24ĐHKV02	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1336	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1337	2431740233	Đinh Lý	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1338	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKV03	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1339	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1340	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100017702	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1341	2431740111	Vì Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1342	2431740132	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHKV02	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1343	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1344	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1345	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1346	2431740307	Trần Dương Thùy	Trâm	Nữ	24ĐHKV03	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1347	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1348	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1349	2431740327	Võ Thùy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1350	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1351	2431740347	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24ĐHKVC2	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1352	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKV02	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1353	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1354	2431740077	Nguyễn Phúc	Hưng	Nam	24ĐHKVC1	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1355	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1356	2431740210	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	24ĐHKVC2	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1357	2431740234	Phạm Minh	Nhật	Nam	24ĐHKV03	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1358	2431740261	Nguyễn Thái	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1359	2431740272	Đoàn Diệu	Linh	Nữ	24ĐHKV03	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1360	2431740274	Phan Thị Cẩm	Nhung	Nữ	24ĐHKV03	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1361	2431740291	Ngô Anh	Tài	Nam	24ĐHKV03	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1362	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1363	2431740340	Cao Thị Ngọc	Nhi	Nữ	24ĐHKVC2	010100017704	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1364	2255130063	Bùi Đoàn Nguyễn	Hưng	Nam	22ĐHDL01	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1365	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1366	2431740209	Nguyễn Hoàng Tổ	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1367	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1368	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1369	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1370	2431740339	Tăng Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1371	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1372	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1373	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100017705	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)
1374	2431740004	Nguyễn Vương Bảo	Triết	Nam	24ĐAKV01	010100017706	Lý thuyết xác suất - thống kê
1375	2431740270	Hồ Phước	Lộc	Nam	24ĐAKV01	010100017706	Lý thuyết xác suất - thống kê
1376	2253410234	Lê Nguyễn Hoàng	Trâm	Nữ	22ĐHQTTTH	010100046101	Thanh toán quốc tế
1377	2258130072	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	22ĐHQTTTH	010100046101	Thanh toán quốc tế
1378	2255130012	Trần Duy	Phước	Nam	22ĐHKVLD	010100046101	Thanh toán quốc tế
1379	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	22ĐHQTTTH	010100046101	Thanh toán quốc tế
1380	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22ĐHQTTTH	010100046101	Thanh toán quốc tế
1381	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100046101	Thanh toán quốc tế
1382	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100046101	Thanh toán quốc tế
1383	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100051001	Kiến trúc máy tính
1384	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100051002	Kiến trúc máy tính
1385	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100051003	Kiến trúc máy tính
1386	2431540035	Cao Quốc	Tiến	Nam	24ĐHTT01	010100051003	Kiến trúc máy tính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1387	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100051003	Kiến trúc máy tính
1388	2431540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24ĐHTT01	010100051004	Kiến trúc máy tính
1389	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100051005	Kiến trúc máy tính
1390	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100051005	Kiến trúc máy tính
1391	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100051005	Kiến trúc máy tính
1392	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100051005	Kiến trúc máy tính
1393	2431540277	Nguyễn Đảm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100051006	Kiến trúc máy tính
1394	2331510004	Lã Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHĐT01	010100051701	Toán cơ sở
1395	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	Nam	23ĐHĐT01	010100051701	Toán cơ sở
1396	2431540035	Cao Quốc	Tiến	Nam	24ĐHTT01	010100051701	Toán cơ sở
1397	2431540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24ĐHTT01	010100051702	Toán cơ sở
1398	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100051704	Toán cơ sở
1399	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100051704	Toán cơ sở
1400	2433510008	Phạm Đăng Ngọc	Hiển	Nam	24ĐHĐT01	010100051705	Toán cơ sở
1401	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đảng	Nam	24ĐHĐT01	010100051705	Toán cơ sở
1402	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	010100051705	Toán cơ sở
1403	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100051705	Toán cơ sở
1404	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100051705	Toán cơ sở
1405	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100051706	Toán cơ sở
1406	2331510063	Lê Văn Diễm	Đan	Nam	23ĐHĐT01	010100051706	Toán cơ sở
1407	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100051706	Toán cơ sở
1408	2254810016	Phạm Võ Trúc	Phương	Nữ	22ĐHTT01	010100052401	Lịch sử Đảng
1409	2250000086	Lê Tuyết	Trình	Nữ	22ĐHKVKH	010100052401	Lịch sử Đảng
1410	2258130104	Trần Mạnh	Quốc	Nam	22ĐHDL02	010100052401	Lịch sử Đảng
1411	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100052401	Lịch sử Đảng
1412	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	Nữ	23ĐHQTC2	010100052401	Lịch sử Đảng
1413	2331730112	Nguyễn Trọng	Long	Nam	23ĐHDL01	010100052401	Lịch sử Đảng
1414	2331740174	Lê Hoàng	Dung	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100052401	Lịch sử Đảng
1415	2331310434	Đào Thị Thuý	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100052401	Lịch sử Đảng
1416	2331310511	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	23ĐHQTC2	010100052401	Lịch sử Đảng
1417	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100052401	Lịch sử Đảng
1418	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100052401	Lịch sử Đảng
1419	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng
1420	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100052403	Lịch sử Đảng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1421	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng
1422	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng
1423	2331310100	Lê Ngọc	Linh	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100052403	Lịch sử Đảng
1424	2331310140	Phan Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100052403	Lịch sử Đảng
1425	2331310320	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100052403	Lịch sử Đảng
1426	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100052403	Lịch sử Đảng
1427	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100052403	Lịch sử Đảng
1428	2331740079	Phạm Mỹ	Hòa	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100052403	Lịch sử Đảng
1429	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng
1430	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100052403	Lịch sử Đảng
1431	2331310360	Ngô Hoàng Kiều	Oanh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052403	Lịch sử Đảng
1432	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100052403	Lịch sử Đảng
1433	2331310367	Trần Hà Nam	Phương	Nữ	23ĐHQTC3	010100052403	Lịch sử Đảng
1434	2331310369	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052403	Lịch sử Đảng
1435	2331310387	Đào Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100052403	Lịch sử Đảng
1436	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	010100052403	Lịch sử Đảng
1437	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100052403	Lịch sử Đảng
1438	2153410429	Võ Ngọc	Quỳnh	Nữ	21ĐHQTC2	010100052405	Lịch sử Đảng
1439	2331320001	Hồ Ngọc Thuy	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100052405	Lịch sử Đảng
1440	2331310208	Võ Thị Ngân	Xuyến	Nữ	23ĐHQTVT2	010100052405	Lịch sử Đảng
1441	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100052405	Lịch sử Đảng
1442	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100052405	Lịch sử Đảng
1443	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100052405	Lịch sử Đảng
1444	2331320071	Lê Như	Quỳnh	Nữ	23ĐHNL02	010100052405	Lịch sử Đảng
1445	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100052405	Lịch sử Đảng
1446	2331730066	Phạm Thị Mỹ	Châu	Nữ	23ĐHDL02	010100052405	Lịch sử Đảng
1447	2331730069	Đoàn Thái	Thanh	Nữ	23ĐHDL02	010100052405	Lịch sử Đảng
1448	2331720067	Bùi Ái	Thi	Nữ	23ĐHNATM1	010100052405	Lịch sử Đảng
1449	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100052405	Lịch sử Đảng
1450	2331310374	Nguyễn Ngọc Thảo	Quỳnh	Nữ	23ĐHQTC3	010100052405	Lịch sử Đảng
1451	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100052405	Lịch sử Đảng
1452	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100052405	Lịch sử Đảng
1453	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100052405	Lịch sử Đảng
1454	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100052405	Lịch sử Đảng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1455	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	Nam	23ĐHQTTTH2	010100052405	Lịch sử Đảng
1456	2331310443	Nguyễn Minh Chí	Hào	Nam	23ĐHQTTTH2	010100052405	Lịch sử Đảng
1457	2331310455	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100052405	Lịch sử Đảng
1458	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC1	010100052405	Lịch sử Đảng
1459	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100052405	Lịch sử Đảng
1460	2152210080	Cao Anh	Thư	Nữ	21ĐHNATM	010100052406	Lịch sử Đảng
1461	2331310168	Lê Lâm Anh	Thư	Nữ	23ĐAQT01	010100052406	Lịch sử Đảng
1462	2331310282	Nguyễn Bảo	Quỳnh	Nữ	23ĐAQT01	010100052406	Lịch sử Đảng
1463	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1464	2331730014	Phạm Thị Kim	Thi	Nữ	23ĐHDL01	010100052406	Lịch sử Đảng
1465	2331310318	Phan Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052406	Lịch sử Đảng
1466	2331320147	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	23ĐHNL03	010100052406	Lịch sử Đảng
1467	2331540025	Lê Hồng Bạch	Nhật	Nữ	23ĐHTT01	010100052406	Lịch sử Đảng
1468	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100052406	Lịch sử Đảng
1469	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	Nữ	23ĐHTT01	010100052406	Lịch sử Đảng
1470	2331310370	Đỗ Nguyễn Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1471	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1472	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1473	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052406	Lịch sử Đảng
1474	2331310390	Hồ Ngọc Yên	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1475	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1476	2331310398	Nguyễn Vũ Hà	My	Nữ	23ĐHQTC3	010100052406	Lịch sử Đảng
1477	2331320191	Võ Trần Diễm	My	Nữ	23ĐHNL04	010100052406	Lịch sử Đảng
1478	2331730149	Huỳnh Thanh	Trang	Nữ	23ĐHDL03	010100052406	Lịch sử Đảng
1479	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100052406	Lịch sử Đảng
1480	2331320011	Trần Lê Yến	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100052410	Lịch sử Đảng
1481	2331320018	Lê Nguyễn Minh	Anh	Nữ	23ĐHNL01	010100052410	Lịch sử Đảng
1482	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100052410	Lịch sử Đảng
1483	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100052410	Lịch sử Đảng
1484	2331740086	Huỳnh Thị Thảo	Anh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100052410	Lịch sử Đảng
1485	2331740108	Trần Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100052410	Lịch sử Đảng
1486	2331740178	Trần Khôi	Nguyên	Nam	23ĐHKVKH	010100052410	Lịch sử Đảng
1487	2331540108	Văn Chí	Sén	Nam	23ĐHTT02	010100052410	Lịch sử Đảng
1488	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100052410	Lịch sử Đảng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1489	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100052410	Lịch sử Đảng
1490	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100052410	Lịch sử Đảng
1491	2331310562	Nguyễn Tổng Khánh	Linh	Nữ	23ĐHQATAN	010100052410	Lịch sử Đảng
1492	2331740071	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	23ĐHKVKH	010100052412	Lịch sử Đảng
1493	2331740109	Bùi Quỳnh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100052412	Lịch sử Đảng
1494	2331740164	Trương Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHKVKH	010100052412	Lịch sử Đảng
1495	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100052412	Lịch sử Đảng
1496	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100052412	Lịch sử Đảng
1497	2331320168	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	23ĐHNL03	010100052412	Lịch sử Đảng
1498	2331740267	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100052412	Lịch sử Đảng
1499	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHQTTTH2	010100052412	Lịch sử Đảng
1500	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100052412	Lịch sử Đảng
1501	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100052412	Lịch sử Đảng
1502	2331540017	Dương Gia Quốc	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100052414	Lịch sử Đảng
1503	2331320029	Trịnh Tổ	Trinh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100052414	Lịch sử Đảng
1504	2331730064	Vũ Hoàng Gia	Huy	Nam	23ĐHDL02	010100052414	Lịch sử Đảng
1505	2331740110	Nguyễn Trần Phước	Thắng	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100052414	Lịch sử Đảng
1506	2331740167	Nguyễn Trúc	Huỳnh	Nữ	23ĐHKVKH	010100052414	Lịch sử Đảng
1507	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100052414	Lịch sử Đảng
1508	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100052414	Lịch sử Đảng
1509	2331320173	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐHNL03	010100052414	Lịch sử Đảng
1510	2331740288	Nguyễn Trường	Anh	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100052414	Lịch sử Đảng
1511	2331310050	Trần Ngọc Yến	My	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100052415	Lịch sử Đảng
1512	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100052415	Lịch sử Đảng
1513	2331310128	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100052415	Lịch sử Đảng
1514	2331310147	Phan Thị Mỹ	Kim	Nữ	23ĐHQTTTH1	010100052415	Lịch sử Đảng
1515	2331320020	Trần Huỳnh Nam	Anh	Nữ	23ĐHNL04	010100052415	Lịch sử Đảng
1516	2331310317	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052415	Lịch sử Đảng
1517	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100052415	Lịch sử Đảng
1518	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100052415	Lịch sử Đảng
1519	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100052415	Lịch sử Đảng
1520	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100052415	Lịch sử Đảng
1521	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100052415	Lịch sử Đảng
1522	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100052415	Lịch sử Đảng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1523	2331740065	Phan Thị Cẩm	Thi	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100052415	Lịch sử Đảng
1524	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100052415	Lịch sử Đảng
1525	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100052415	Lịch sử Đảng
1526	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100052415	Lịch sử Đảng
1527	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100052415	Lịch sử Đảng
1528	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	010100052415	Lịch sử Đảng
1529	2331320091	Phạm Tuyết	Nhi	Nữ	23ĐHNL04	010100052417	Lịch sử Đảng
1530	2331730054	Nguyễn Đức Tiến	Đạt	Nam	23ĐHDL01	010100052417	Lịch sử Đảng
1531	2331740259	Bùi Ngọc Như	Ý	Nữ	23ĐHKVLD02	010100052417	Lịch sử Đảng
1532	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100052417	Lịch sử Đảng
1533	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHKVLD02	010100052417	Lịch sử Đảng
1534	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	Nữ	23ĐHDL03	010100052417	Lịch sử Đảng
1535	2331730140	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23ĐHDL03	010100052417	Lịch sử Đảng
1536	2331730146	Lưu Hồng	Phát	Nam	23ĐHDL03	010100052417	Lịch sử Đảng
1537	2331310033	Phan Hoàng Yến	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC1	010100052419	Lịch sử Đảng
1538	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	Nữ	23ĐHQTKQ1	010100052419	Lịch sử Đảng
1539	2331740026	Lê Thị Khả	Ái	Nữ	23ĐHKVKH	010100052419	Lịch sử Đảng
1540	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTTAN	010100052419	Lịch sử Đảng
1541	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1542	2331320141	Huỳnh Lê Xuân	Mai	Nữ	23ĐHNL04	010100052419	Lịch sử Đảng
1543	2331730089	Tổng Thị Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHDL02	010100052419	Lịch sử Đảng
1544	2331740230	Son Triệu	Duy	Nữ	23ĐHKVLD02	010100052419	Lịch sử Đảng
1545	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1546	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100052419	Lịch sử Đảng
1547	2331730128	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	23ĐHDL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1548	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	Nữ	23ĐHDL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1549	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1550	2331740264	Hồng Anh	Thư	Nữ	23ĐHKVLD01	010100052419	Lịch sử Đảng
1551	2331730134	Phạm Phan Ngọc	Ngà	Nữ	23ĐHDL03	010100052419	Lịch sử Đảng
1552	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100052419	Lịch sử Đảng
1553	2331310488	Võ Thị Thúy	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100052419	Lịch sử Đảng
1554	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100052419	Lịch sử Đảng
1555	2331320213	Ngô Hồng	Thanh	Nữ	23ĐHNL04	010100052419	Lịch sử Đảng
1556	2331310603	Nguyễn Thái Bảo	Ngân	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100054801	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1557	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100054801	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)
1558	2253410125	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	22ĐHQTC2	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)
1559	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	Nữ	22ĐHQTTH	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)
1560	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	Nữ	22ĐHQTTH	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)
1561	2254810119	Trần Minh	Tâm	Nam	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1562	2431540035	Cao Quốc	Tiến	Nam	24ĐHTT01	010100060101	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1563	2431540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24ĐHTT01	010100060101	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1564	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1565	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	010100060102	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1566	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	010100060102	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1567	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	010100060102	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1568	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	010100060102	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1569	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	010100060103	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1570	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100060104	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1571	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1572	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1573	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1574	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1575	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1576	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1577	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1578	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1579	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100060105	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1580	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100060106	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1581	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100060106	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1582	2431540277	Nguyễn Đàm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100060106	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1583	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100060106	Pháp luật hàng không (Aviation Law)
1584	2431720003	Nguyễn Cao	Trí	Nam	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1585	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1586	2431720021	Huỳnh Văn Trúc	Uyên	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1587	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1588	2431720033	Cù Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1589	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1590	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1591	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1592	2431720049	Cao Điền Thành	Công	Nam	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1593	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1594	2431720054	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1595	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1596	2431720071	Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1597	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1598	2431720082	Đinh Phạm Thúy	Bình	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1599	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1600	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1601	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1602	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1603	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1604	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100074601	Triết học Mác Lênin
1605	2431720203	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24ĐHNA04	010100074601	Triết học Mác Lênin
1606	2431720236	Phan Thị Kiều	Châu	Nữ	24ĐHNA04	010100074601	Triết học Mác Lênin
1607	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100074601	Triết học Mác Lênin
1608	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100074601	Triết học Mác Lênin
1609	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100074601	Triết học Mác Lênin
1610	2433520126	Đinh Phúc	Khang	Nam	24ĐAKT01	010100074601	Triết học Mác Lênin
1611	2431720366	Huỳnh Quang	Đoàn	Nam	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1612	2431720368	Phan Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1613	2431720370	Đặng Lâm	Huyền	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1614	2431720372	Lương Hiếu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1615	2431720374	Đào Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1616	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1617	2431720380	Đinh Nguyễn Hoàng	Hương	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1618	2431720386	Chung Khâ	Doanh	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1619	2431720389	Dur Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1620	2431720390	Từ Gia	Hào	Nam	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1621	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1622	2431720397	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1623	2431720406	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1624	2431720407	Bùi Nguyễn Hà	My	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1625	2431720414	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	24ĐHNA07	010100074601	Triết học Mác Lênin
1626	2431720008	Lâm Gia	Bảo	Nam	24ĐHNA01	010100074603	Triết học Mác Lênin
1627	2431720135	Trần Ngọc Thiên	Ấn	Nữ	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1628	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1629	2431720137	Mai Hồng	Phượng	Nữ	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1630	2431720148	Nguyễn Cao	Bách	Nam	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1631	2431720156	Võ Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1632	2431720166	Đỗ Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	24ĐHNA03	010100074603	Triết học Mác Lênin
1633	2431720183	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100074603	Triết học Mác Lênin
1634	2431720189	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA04	010100074603	Triết học Mác Lênin
1635	2431720193	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA04	010100074603	Triết học Mác Lênin
1636	2431720202	Nguyễn Nhật	Hậu	Nữ	24ĐHNA04	010100074603	Triết học Mác Lênin
1637	2431720213	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	24ĐHNA04	010100074603	Triết học Mác Lênin
1638	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100074603	Triết học Mác Lênin
1639	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100074603	Triết học Mác Lênin
1640	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100074603	Triết học Mác Lênin
1641	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100074603	Triết học Mác Lênin
1642	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100074603	Triết học Mác Lênin
1643	2431720383	Nhan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	24ĐHNA07	010100074603	Triết học Mác Lênin
1644	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100074603	Triết học Mác Lênin
1645	2431720404	Võ Kim	Thuyền	Nữ	24ĐHNA07	010100074603	Triết học Mác Lênin
1646	2431720472	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNA08	010100074603	Triết học Mác Lênin
1647	2431720522	Lê Nguyễn Thành	Đạt	Nam	24ĐHNA09	010100074603	Triết học Mác Lênin
1648	2431720078	Lâm Hiếu	Nghi	Nữ	24ĐHNA02	010100074605	Triết học Mác Lênin
1649	2431720134	Châu Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA03	010100074605	Triết học Mác Lênin
1650	2431720161	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA03	010100074605	Triết học Mác Lênin
1651	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100074605	Triết học Mác Lênin
1652	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100074605	Triết học Mác Lênin
1653	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100074605	Triết học Mác Lênin
1654	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100074605	Triết học Mác Lênin
1655	2431720446	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA08	010100074605	Triết học Mác Lênin
1656	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100074607	Triết học Mác Lênin
1657	2433520022	Hoàng Công	Nguyên	Nam	24ĐAKT01	010100074607	Triết học Mác Lênin
1658	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100074607	Triết học Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1659	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100074607	Triết học Mác Lênin
1660	2433520086	Lã Bùi Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	010100074607	Triết học Mác Lênin
1661	2431720216	Nguyễn Hoàng Ý	Như	Nữ	24ĐHNA04	010100074607	Triết học Mác Lênin
1662	2431720231	Tạ Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA04	010100074607	Triết học Mác Lênin
1663	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100074607	Triết học Mác Lênin
1664	2431720376	Lê Nhật Hải	Ly	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1665	2431720377	Đàm Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1666	2431720385	Triệu Phú	Quý	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1667	2431720391	Đồng Quốc	Khánh	Nam	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1668	2431720392	Trần Hà Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1669	2431720394	Trương Văn	Hưng	Nam	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1670	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1671	2431720403	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1672	2431720412	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1673	2431720413	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1674	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1675	2431720419	Trịnh Đoàn Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1676	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1677	2431720422	Nguyễn Huỳnh	Thy	Nữ	24ĐHNA07	010100074607	Triết học Mác Lênin
1678	2431720457	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	Nữ	24ĐHNA08	010100074607	Triết học Mác Lênin
1679	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1680	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1681	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1682	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1683	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1684	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1685	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1686	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100074609	Triết học Mác Lênin
1687	2431720239	Phan Ngọc Huế	Trân	Nữ	24ĐHNA04	010100074609	Triết học Mác Lênin
1688	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100074609	Triết học Mác Lênin
1689	2431720498	Mai Hồ Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHNA09	010100074609	Triết học Mác Lênin
1690	2431720509	Ngô Gia	Quy	Nữ	24ĐHNA09	010100074609	Triết học Mác Lênin
1691	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100074609	Triết học Mác Lênin
1692	2431730003	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1693	2431730004	Nguyễn Phú Hà	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1694	2431310017	Ngô Trần Duy	Quang	Nam	24ĐHQT01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1695	2431730012	Võ Minh	Hung	Nam	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1696	2431310021	Cao Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	24ĐHQT01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1697	2431310032	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1698	2431310033	Diệp Phương	Nghi	Nữ	24ĐHQT01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1699	2431730035	Võ Thủy	Tiên	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1700	2431320013	Lê Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1701	2431310089	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	24ĐHQT02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1702	2431730069	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1703	2431320029	Trương Hồng Tuyết	Như	Nữ	24ĐHNL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1704	2431730086	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1705	2431730102	Nguyễn Đỗ Khánh	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1706	2431730103	Nguyễn Tâm Phương	Thảo	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1707	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1708	2431730121	Huỳnh Như	Ý	Nữ	24ĐHDL01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1709	2431310221	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1710	2431310226	Nguyễn Quách Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1711	2431310234	Nguyễn Hoàng Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQT04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1712	2431310243	Phan Mai	Linh	Nữ	24ĐHQT04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1713	2431310248	Nguyễn Đỗ Bảo	Châu	Nữ	24ĐHQT04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1714	2431740077	Nguyễn Phúc	Hung	Nam	24ĐHKVC1	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1715	2431740081	Trịnh Nhật	Minh	Nam	24ĐHKVC1	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1716	2431730152	Phan Vũ Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1717	2431310431	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHQT07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1718	2431730212	Vương Minh	Huệ	Nữ	24ĐHDL02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1719	2431730220	Phạm Ngọc	Linh	Nữ	24ĐHDL02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1720	2431320095	Phạm Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1721	2431740141	Phan Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC1	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1722	2431740234	Phạm Minh	Nhật	Nam	24ĐHKV03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1723	2431320243	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	24ĐHNL05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1724	2431320272	Đỗ Nguyễn Phương	Trinh	Nữ	24ĐHNL05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1725	2431740320	Phạm Thị Quỳnh	Hương	Nữ	24ĐHKVC2	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1726	2431740321	Hoàng Gia	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1727	2431740338	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	24ĐHKVC2	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1728	2431740341	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1729	2431740342	Đỗ Văn Vũ	Duy	Nam	24ĐHKVC2	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1730	2431310567	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	24ĐHQTC1	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1731	2431310569	Huỳnh Dương Ngọc Gia	Linh	Nữ	24ĐHQTC1	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1732	2331310589	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1733	2231310369	Phan Thị Trà	My	Nữ	22ĐHQTC4	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1734	2231310370	Trần Phương	Nam	Nam	22ĐHQTC4	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1735	2431740008	Hồ Quách	Thái	Nam	24ĐHKVC1	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1736	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQTC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1737	2431310100	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	24ĐHQTC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1738	2431310104	Lê Nguyễn Hiếu	Ngọc	Nữ	24ĐHQTC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1739	2431310162	Nguyễn Thụy Thanh	Thư	Nữ	24ĐHQTC3	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1740	2431540035	Cao Quốc	Tiến	Nam	24ĐHTT01	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1741	2431540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24ĐHTT01	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1742	2431730120	Vũ Huệ	Phương	Nữ	24ĐHDL01	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1743	2431740065	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	24ĐHKVC1	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1744	2431310216	Trần Minh	Hiếu	Nam	24ĐHQTC4	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1745	2431320049	Dương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1746	2431310230	Đoàn Thị Thu	Uyên	Nữ	24ĐHQTC4	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1747	2431310232	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	24ĐHQTC4	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1748	2431320065	Ngô Phạm Thiên	Nga	Nữ	24ĐHNL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1749	2431730170	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	24ĐHDL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1750	2431310423	Trương Tân	Phong	Nam	24ĐHQTC7	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1751	2431310425	Tăng Phước	Thịnh	Nam	24ĐHQTC7	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1752	2431730177	Nguyễn Vũ Phương	Trình	Nữ	24ĐHDL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1753	2431730179	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1754	2431730200	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1755	2431320089	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1756	2431730263	Trương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHDL02	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1757	2431740129	Đặng Thị Ý	Hoài	Nữ	24ĐHKVC1	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1758	2431730310	Lâm Mỹ	Tuyển	Nữ	24ĐHDL04	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1759	2431730352	Phạm Thảo	Ly	Nữ	24ĐHDL03	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1760	2431740209	Nguyễn Hoàng Tố	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1761	2431740242	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	24ĐHKVC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1762	2431740253	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1763	2431320276	Lê Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	24ĐHNL05	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1764	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1765	2431740339	Tăng Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHKVC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1766	2431740364	Hồ Văn	Quý	Nam	24ĐHKVC2	010100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1767	2431740043	Cao Trà	My	Nữ	24ĐHKV01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1768	2431740050	Bùi Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHKV01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1769	2431730145	Nguyễn Thiên	An	Nữ	24ĐHDL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1770	2431310320	Vũ Thúy	Hằng	Nữ	24ĐHQT06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1771	2431310322	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	24ĐHQT06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1772	2431320070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1773	2431320081	Nguyễn Khoa Chiêu	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1774	2431320094	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1775	2431320106	Bùi Ngọc Ánh	Linh	Nữ	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1776	2431320111	Nguyễn Trần Giao	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1777	2431320112	Lê Thanh	An	Nam	24ĐHNL02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1778	2431740190	Phan Tấn	Đạt	Nam	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1779	2431320165	Võ Bảo	Khánh	Nữ	24ĐHNL03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1780	2431740233	Đinh Lý	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1781	2431740249	Lương Hồng	Huế	Nữ	24ĐHKV03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1782	2431740255	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1783	2431330046	Nguyễn La Hân	Hân	Nữ	24ĐHKQ01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1784	2431740270	Hồ Phước	Lộc	Nam	24ĐAKV01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1785	2431740307	Trần Dương Thùy	Trâm	Nữ	24ĐHKV03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1786	2431740327	Võ Thủy Triều	Tiên	Nữ	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1787	2431740330	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1788	2431740340	Cao Thị Ngọc	Nhi	Nữ	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1789	2431740347	Trần Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24ĐHKVC2	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1790	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKV02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1791	2431310207	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT04	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1792	2431310209	Lê Phước	Nguyên	Nam	24ĐHQT04	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1793	2431310407	Phạm Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1794	2431730242	Lê Thị	Hòa	Nữ	24ĐHDL03	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1795	2431730298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHDLC3	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1796	2431320123	Nguyễn Yên	Trang	Nữ	24ĐHNL03	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1797	2431730388	Châu Trắc Thái	Quân	Nữ	24ĐHDLC4	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1798	2431330044	Phạm Thủy	An	Nữ	24ĐHKQ01	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1799	2431320235	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	24ĐHNL04	010100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1800	2431740004	Nguyễn Vương Bảo	Triết	Nam	24ĐAKV01	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1801	2431730138	Hà Thị	Thương	Nữ	24ĐHDL04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1802	2431310470	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	24ĐAQT01	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1803	2431730260	Phạm Lê Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHDLC3	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1804	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1805	2431730385	Nguyễn Thị Yên	Vy	Nữ	24ĐHDL04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1806	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1807	2431730405	Dương Trần Hải	Bình	Nam	24ĐHDL04	010100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1808	2431730016	Phạm Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHDLC1	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1809	2431730045	Trần Lê Anh	Thư	Nữ	24ĐHDL01	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1810	2431740029	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	24ĐHKVC1	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1811	2431730065	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDL01	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1812	2431730091	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1813	2431730095	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	Nữ	24ĐHDL01	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1814	2431740095	Mai Diệp Thiên	Kim	Nữ	24ĐHKVC1	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1815	2431740111	Vì Việt	Hoàng	Nam	24ĐHKVC1	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1816	2431740163	Lê Dạ	Thảo	Nữ	24ĐHKVC1	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1817	2431740208	Lê Ngọc Bảo	Như	Nữ	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1818	2431740210	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1819	2431740333	Trương Quang	Khánh	Nam	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1820	2431740336	Nguyễn Hải	Ngân	Nữ	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1821	2431740346	Trần Thị	Thu	Nữ	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1822	2431740348	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	24ĐHKVC2	010100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1823	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1824	2431310020	Ngô Ngọc Thanh	Vi	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1825	2431310027	Dương Cát Tường	Vy	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1826	2431310034	Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1827	2431310045	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1828	2431320009	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1829	2431320012	Phan Xuân	Trúc	Nữ	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1830	2431310052	Huỳnh Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1831	2431310055	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1832	2431310063	Lê Nguyễn Thanh	Thương	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1833	2431310065	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1834	2431310079	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHQT02	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1835	2431320034	Hồ Nguyễn Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1836	2431320035	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1837	2431310247	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT04	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1838	2431320054	Trần Khoa	Văn	Nam	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1839	2431320056	Lê Phạm Hữu	An	Nam	24ĐHNL01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1840	2431310405	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1841	2431310412	Phạm Minh	Thư	Nữ	24ĐHQT07	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1842	2431730296	Huỳnh Võ Hồng	Anh	Nữ	24ĐHDL04	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1843	2431730342	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	24ĐHDL03	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1844	2431740288	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKV03	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1845	2431730408	Nguyễn Lê Hoàng	My	Nữ	24ĐHDL04	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1846	2431310568	Nguyễn Trần Châu	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100074709	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1847	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1848	2431730037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24ĐHDL01	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1849	2431730064	Hoàng Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDL01	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1850	2431730104	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1851	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1852	2431310236	Hồ Cẩm	Thương	Nữ	24ĐHQT04	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1853	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1854	2431730147	Võ Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1855	2431730150	Đỗ Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1856	2431730159	Tổng Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1857	2431730185	Hồng	Quân	Nam	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1858	2431730186	Đinh Hoàng Bảo	Trân	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1859	2431730194	Hồ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1860	2431730198	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	24ĐHDLC2	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1861	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDL04	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1862	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100074711	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1863	2431310031	Nguyễn Kiều Mai	Trâm	Nữ	24ĐHQT01	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1864	2431330007	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	24ĐHKQ01	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1865	2431730066	Nguyễn Vy Yên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1866	2431310080	Trần Khánh	Trình	Nam	24ĐHQT02	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1867	2431320028	Huỳnh Trọng	An	Nam	24ĐHNL01	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1868	2431310150	Tạ Bích	Hồng	Nữ	24ĐHQT03	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1869	2431310214	Vũ Thị Như	Ngọc	Nữ	24ĐHQT04	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1870	2431310229	Trần Phương	Nhi	Nữ	24ĐHQT04	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1871	2431320058	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL01	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1872	2431310419	Nguyễn Thị Thúy	Vy	Nữ	24ĐHQT07	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1873	2431310429	Khổng Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT07	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1874	2431310432	Nguyễn Khánh	Trang	Nữ	24ĐHQT07	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1875	2431310435	Phan Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHQT07	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1876	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDL02	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1877	2431730301	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1878	2431730307	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1879	2431730350	Trần Thiện Tâm	Như	Nữ	24ĐHDL03	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1880	2431730411	Nguyễn Huyền Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHDL04	010100074713	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1881	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1882	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1883	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1884	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1885	2431310006	Hà Trần Minh	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1886	2431730137	Ngô Thị Cẩm	Tú	Nữ	24ĐHDL04	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1887	2431310437	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHQT07	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1888	2431320074	Huỳnh Kim	Tiên	Nữ	24ĐHNL02	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1889	2431730234	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1890	2431730271	Mai	Khôi	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1891	2431730275	Ngô Thị Tuyết	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1892	2431730282	Trịnh Tuyết	Nhi	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1893	2431730284	Nguyễn Hữu Minh	Khang	Nam	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1894	2431730291	Nguyễn Ngọc	Thy	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1895	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLC3	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1896	2431730417	Lương Bảo	Thư	Nữ	24ĐHDL04	010100074715	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1897	2250000188	Quách Minh	Hiếu	Nam	22ĐHKVLQ1	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1898	2431330002	Phạm Ngọc Trúc	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1899	2431310012	Trương Thiện	Tài	Nam	24ĐHQT01	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1900	2431310036	Trần Văn	Duy	Nam	24ĐHQT01	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1901	2431730127	Đồng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC2	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1902	2431320051	Phạm Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL01	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1903	2431310316	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24ĐHQT06	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1904	2431310317	Ngô Thị Thanh	Kiều	Nữ	24ĐHQT09	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1905	2431310318	Trần Hoàng Văn	Anh	Nữ	24ĐHQT06	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1906	2431310439	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24ĐHQT09	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1907	2431730243	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1908	2431320119	Trương Văn	Phát	Nam	24ĐHNL05	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1909	2431320254	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	Nữ	24ĐHNL05	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1910	2431320255	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNL05	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1911	2431320262	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL05	010100074717	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1912	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1913	2431730040	Phan Nguyễn Minh	Linh	Nữ	24ĐHDL01	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1914	2431310139	Đoàn Phương	Ngân	Nữ	24ĐHQT03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1915	2431310246	Lê Thị Ngọc	Thảo	Nữ	24ĐHQT04	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1916	2431320061	Nguyễn Văn	Dung	Nữ	24ĐHNL02	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1917	2431730191	Nguyễn Đan Khả	Nhi	Nữ	24ĐHDL02	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1918	2431320091	Bùi Ngọc	Ngân	Nữ	24ĐHNL02	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1919	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDL03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1920	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDL03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1921	2431320114	Võ Quỳnh Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1922	2431320122	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1923	2431740261	Nguyễn Thái	Hằng	Nữ	24ĐHKV03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1924	2431740272	Đoàn Diệu	Linh	Nữ	24ĐHKV03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1925	2431740274	Phan Thị Cẩm	Nhung	Nữ	24ĐHKV03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1926	2431740291	Ngô Anh	Tài	Nam	24ĐHKV03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1927	2431740303	Nhan Kim	Dung	Nữ	24ĐHKV03	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1928	2431730400	Lê Quỳnh Quế	Trâm	Nữ	24ĐHDL04	010100074718	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1929	2431730017	Lê Quang	Vinh	Nam	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1930	2431730021	Vũ Ngô Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1931	2431730026	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	Nam	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1932	2431730027	Trương Thị Thanh	Tú	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1933	2431730046	Trần Hoàng Hà	Phương	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1934	2431730057	Nguyễn Lê Uyên	My	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1935	2431730071	Mạnh Lê Uyên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1936	2431730080	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1937	2431730083	Lê Hồ Thủy	Trúc	Nữ	24ĐHDLC1	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1938	2431320039	Nguyễn Ngọc Kim	Phú	Nữ	24ĐHNL01	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1939	2431320079	Phan Thanh	Phát	Nam	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1940	2431320080	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1941	2431320084	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1942	2431320098	Lê Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1943	2431320102	Võ Hiền	Hậu	Nữ	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1944	2431320107	Tô Thanh	Thùy	Nữ	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1945	2431320109	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1946	2431320115	La Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHNL02	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1947	2431330039	Thái Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKQ01	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1948	2431320177	Lữ Ngọc Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNL03	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1949	2431320181	Lưu Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐHNL04	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1950	2431320188	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	24ĐHNL04	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1951	2431320192	Đỗ Minh	Tâm	Nữ	24ĐHNL04	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1952	2431320204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	24ĐHNL04	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1953	2431320230	Ngô Nguyễn Tố	Trình	Nữ	24ĐHNL04	010100074720	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1954	2331730112	Nguyễn Trọng	Long	Nam	23ĐHDL01	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1955	2431320060	Đặng Tuấn	Anh	Nam	24ĐHNL05	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1956	2431730221	Tổng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	24ĐHDL02	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1957	2431730297	Lưu Minh	Quân	Nam	24ĐHDLC3	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1958	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDL03	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1959	2431730325	Trần Hàn Bảo	Ấn	Nữ	24ĐHDL03	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1960	2431730354	Tạ Mỹ	Quyên	Nữ	24ĐHDL03	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1961	2431330036	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	24ĐHKQ01	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1962	2431320215	Hồ Ngọc Đoan	Trang	Nữ	24ĐHNL04	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1963	2431320219	Bùi Thị Quế	Trâm	Nữ	24ĐHNL04	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1964	2431320224	Bùi Anh	Thắng	Nam	24ĐHNL04	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1965	2431320268	Trần Châu Phương	Nhi	Nữ	24ĐHNL05	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1966	2431330054	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	Nữ	24ĐHKQ01	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1967	2431330057	Nguyễn Chi	Lan	Nữ	24ĐHKQ01	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1968	2431320278	Trần Thị Thu	Ngân	Nữ	24ĐHNL05	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1969	2431330070	Nguyễn Bảo Gia	Ngọc	Nữ	24ĐHKQ01	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1970	2431320289	Đoàn Huỳnh Hải	Yến	Nữ	24ĐHNL05	010100074722	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1971	2431310194	Phan Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHQT09	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1972	2431730125	Lê Việt Bảo	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1973	2431730128	Nguyễn Ánh	Hồng	Nữ	24ĐHDL04	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1974	2431320088	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	24ĐHNL02	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1975	2431730346	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	24ĐHDL03	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1976	2431730349	Trần Quỳnh	Nga	Nữ	24ĐHDLC4	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1977	2431730382	Tô Hữu	Thành	Nam	24ĐHDL04	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1978	2431730394	Nguyễn Thủy Quý	Nhi	Nữ	24ĐHDL04	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1979	2431730399	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1980	2431310547	Ngô Như	Ý	Nữ	24ĐHQT09	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1981	2431730418	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHDL04	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1982	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100074725	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
1983	2431310074	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHQT02	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1984	2431310075	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1985	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1986	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1987	2431730112	Nguyễn Phúc Hoàng	Như	Nữ	24ĐHDLC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1988	2431730143	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyết	Nữ	24ĐHDLC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1989	2431310413	Phan Đoàn Thảo	Nguyên	Nữ	24ĐHQT07	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1990	2431730181	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	24ĐHDLC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1991	2431730206	Phạm Lê Bảo	Linh	Nữ	24ĐHDLC4	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1992	2431730229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC4	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1993	2431730233	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1994	2431730240	Hà Anh	Thư	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1995	2431730245	Trần Ngọc Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1996	2431730251	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1997	2431730256	Nguyễn Hoàng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
1998	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
1999	2431730268	Đào Thị Kiều	Ninh	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2000	2431730279	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2001	2431730287	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2002	2431730290	Vũ Đăng Hà	My	Nữ	24ĐHDLC3	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2003	2431740157	Hồ Thị Trang	Nhung	Nữ	24ĐHKV02	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2004	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2005	2431740244	Nguyễn Tuyết	Ngọc	Nữ	24ĐHKVC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2006	2431740310	Nguyễn Hải	Dương	Nam	24ĐHKVC2	010100074735	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2007	2258130104	Trần Mạnh	Quốc	Nam	22ĐHDL02	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2008	2431730024	Phan Thụy Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHDLC1	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2009	2431730073	Phan Xuân	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2010	2431730092	Đào Hoàng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2011	2431320043	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL01	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2012	2431730139	Tây Liên	My	Nữ	24ĐHDL04	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2013	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2014	2431740088	Trần Lê	Anh	Nam	24ĐHKV01	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2015	2431310433	Trần Hoàng Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT07	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2016	2431730231	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2017	2431730255	Trần Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHDLC3	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2018	2431730308	Thân Thị Hơ	Mây	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2019	2431730309	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2020	2431740132	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	24ĐHKV02	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2021	2431730336	Hoàng Mạnh Minh	Tâm	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2022	2431320126	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNL03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2023	2431730371	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2024	2431320148	Huỳnh Khả	Vy	Nữ	24ĐHNL03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2025	2431320149	Hồ Trần An	Khiết	Nữ	24ĐHNL03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2026	2431320161	Nguyễn Ngọc Duy	Tiên	Nữ	24ĐHNL03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2027	2431730379	Chênh Vòng Gia	Hân	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2028	2431320175	Nguyễn Đăng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2029	2431320203	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNL04	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2030	2431740285	Hồ Lê Trường	Nam	Nam	24ĐHKV03	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2031	2431730398	Đỗ Hoàng Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2032	2431730406	Trương Thị Phương	Hà	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2033	2431730413	Chữ Thị Thanh	Hòa	Nữ	24ĐHDLC4	010100074737	Kinh tế chính trị Mác Lênin
2034	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDL01	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2035	2431730141	Võ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24ĐHDL04	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2036	2431320116	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHNL02	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2037	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2038	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2039	2431540277	Nguyễn Đảm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2040	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100074738	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2041	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100084901	Mạng máy tính
2042	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100084901	Mạng máy tính
2043	2331540025	Lê Hồng Bạch	Nhật	Nữ	23ĐHTT01	010100084901	Mạng máy tính
2044	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100084901	Mạng máy tính
2045	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100084901	Mạng máy tính
2046	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100084901	Mạng máy tính
2047	2331540031	Chu Văn	Mùa	Nam	23ĐHTT01	010100084902	Mạng máy tính
2048	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100084902	Mạng máy tính
2049	2331540008	Nguyễn Trương Bảo	Trân	Nữ	23ĐHTT01	010100084903	Mạng máy tính
2050	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100084903	Mạng máy tính
2051	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	Nữ	23ĐHTT01	010100084903	Mạng máy tính
2052	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100084903	Mạng máy tính
2053	2331540297	Lại Gia	Kiệt	Nam	23ĐHTT05	010100084904	Mạng máy tính
2054	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100084905	Mạng máy tính
2055	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100084905	Mạng máy tính
2056	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100084905	Mạng máy tính
2057	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100084905	Mạng máy tính
2058	2331540108	Văn Chí	Sến	Nam	23ĐHTT02	010100084905	Mạng máy tính
2059	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100084905	Mạng máy tính
2060	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100084905	Mạng máy tính
2061	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2062	2331540008	Nguyễn Trương Bảo	Trân	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2063	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2064	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2065	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2066	2331540025	Lê Hồng Bạch	Nhật	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2067	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2068	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2069	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2070	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2071	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100085601	Công nghệ phần mềm
2072	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100085601	Công nghệ phần mềm
2073	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100085601	Công nghệ phần mềm
2074	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100085602	Công nghệ phần mềm
2075	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100085602	Công nghệ phần mềm
2076	2331540297	Lại Gia	Kiệt	Nam	23ĐHTT05	010100085603	Công nghệ phần mềm
2077	2331540108	Văn Chí	Sén	Nam	23ĐHTT02	010100085604	Công nghệ phần mềm
2078	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100085604	Công nghệ phần mềm
2079	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100085604	Công nghệ phần mềm
2080	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100085604	Công nghệ phần mềm
2081	2331540031	Chu Văn	Mùa	Nam	23ĐHTT01	010100085605	Công nghệ phần mềm
2082	2331540025	Lê Hồng Bạch	Nhật	Nữ	23ĐHTT01	010100085901	Đồ họa máy tính
2083	2331540036	Trương Quang Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT01	010100085901	Đồ họa máy tính
2084	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100085901	Đồ họa máy tính
2085	2331540009	Trần Thị	Thúy	Nữ	23ĐHTT01	010100085902	Đồ họa máy tính
2086	2331540031	Chu Văn	Mùa	Nam	23ĐHTT01	010100085902	Đồ họa máy tính
2087	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	Nữ	23ĐHTT01	010100085902	Đồ họa máy tính
2088	2331540041	Huỳnh Công	Thịnh	Nam	23ĐHTT01	010100085902	Đồ họa máy tính
2089	2331540078	Trần Lưu Yến	Nhi	Nữ	23ĐHTT02	010100085902	Đồ họa máy tính
2090	2331540102	Phạm Thanh	Bình	Nữ	23ĐHTT02	010100085902	Đồ họa máy tính
2091	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100085902	Đồ họa máy tính
2092	2331540008	Nguyễn Trương Bảo	Trân	Nữ	23ĐHTT01	010100085903	Đồ họa máy tính
2093	2331540010	Bùi Thanh	Hiền	Nam	23ĐHTT01	010100085903	Đồ họa máy tính
2094	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	Nữ	23ĐHTT01	010100085903	Đồ họa máy tính
2095	2331540108	Văn Chí	Sén	Nam	23ĐHTT02	010100085903	Đồ họa máy tính
2096	2331540161	Lương Thế	Phong	Nam	23ĐHTT03	010100085903	Đồ họa máy tính
2097	2331540306	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	23ĐHTT02	010100085903	Đồ họa máy tính
2098	2331540003	Lê Thị Kim	Lợi	Nữ	23ĐHTT01	010100085904	Đồ họa máy tính
2099	2331540021	Hồ Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHTT01	010100085904	Đồ họa máy tính
2100	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100085905	Đồ họa máy tính

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2101	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100085905	Đồ họa máy tính
2102	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2103	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2104	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2105	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2106	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2107	2431720189	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA04	010100091901	Tiếng Việt thực hành
2108	2431720003	Nguyễn Cao	Trí	Nam	24ĐHNA01	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2109	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2110	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2111	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2112	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2113	2431720082	Đinh Phạm Thúy	Bình	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2114	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2115	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2116	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2117	2431720156	Võ Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2118	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2119	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2120	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2121	2431720370	Đặng Lâm	Huyền	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2122	2431720372	Lương Hiểu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2123	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2124	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2125	2431720389	Dur Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2126	2431720392	Trần Hà Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2127	2431720394	Trương Văn	Hưng	Nam	24ĐHNA07	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2128	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100091902	Tiếng Việt thực hành
2129	2431720071	Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	24ĐHNA02	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2130	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2131	2431720166	Đỗ Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	24ĐHNA03	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2132	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2133	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2134	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100091903	Tiếng Việt thực hành

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2135	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100091903	Tiếng Việt thực hành
2136	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2137	2431720049	Cao Điền Thành	Công	Nam	24ĐHNA01	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2138	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2139	2431720148	Nguyễn Cao	Bách	Nam	24ĐHNA03	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2140	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2141	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2142	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100091905	Tiếng Việt thực hành
2143	2431720135	Trần Ngọc Thiên	Ấn	Nữ	24ĐHNA03	010100091906	Tiếng Việt thực hành
2144	2431720183	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100091906	Tiếng Việt thực hành
2145	2431720193	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA04	010100091906	Tiếng Việt thực hành
2146	2431720202	Nguyễn Nhật	Hậu	Nữ	24ĐHNA04	010100091906	Tiếng Việt thực hành
2147	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	Nữ	23ĐHNATM1	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2148	2431720021	Huỳnh Văn Trúc	Uyên	Nữ	24ĐHNA01	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2149	2431720054	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	24ĐHNA01	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2150	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2151	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2152	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2153	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2154	2431720161	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA03	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2155	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2156	2431720253	Đinh Tấn	Phát	Nam	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2157	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2158	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2159	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2160	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2161	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2162	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2163	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2164	2431720457	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	Nữ	24ĐHNA08	010100091907	Tiếng Việt thực hành
2165	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2166	2431720078	Lâm Hiếu	Nghi	Nữ	24ĐHNA02	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2167	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2168	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	010100091908	Tiếng Việt thực hành

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2169	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2170	2431720412	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA07	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2171	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2172	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2173	2431720472	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNA08	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2174	2431720517	Nguyễn Thuý	An	Nữ	24ĐHNA09	010100091908	Tiếng Việt thực hành
2175	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2176	2431720033	Cù Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2177	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2178	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2179	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2180	2431720368	Phan Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2181	2431720380	Đinh Nguyễn Hoàng	Hương	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2182	2431720386	Chung Khã	Doanh	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2183	2431720404	Võ Kim	Thuyên	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2184	2431720406	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2185	2431720407	Bùi Nguyễn Hà	My	Nữ	24ĐHNA07	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2186	2431720498	Mai Hồ Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHNA09	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2187	2431720509	Ngô Gia	Quy	Nữ	24ĐHNA09	010100091909	Tiếng Việt thực hành
2188	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	Nữ	21ĐHNATM	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
2189	2152210050	Nguyễn Trúc Gia	Gia	Nữ	21ĐHNATM	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
2190	2152210060	Nguyễn Thị Tổ	Vi	Nữ	21ĐHNAHK	010100092201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3
2191	2431720021	Huỳnh Văn Trúc	Uyên	Nữ	24ĐHNA01	010100093301	Ngữ pháp 2
2192	2431720054	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	24ĐHNA01	010100093301	Ngữ pháp 2
2193	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2194	2431720382	Mai Nguyễn Thu	Huệ	Nữ	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2195	2431720388	Tạ Minh	Tâm	Nam	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2196	2431720394	Trương Văn	Hưng	Nam	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2197	2431720397	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2198	2431720400	Lương Thái Kim	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2199	2431720419	Trịnh Đoàn Khánh	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100093301	Ngữ pháp 2
2200	2431720498	Mai Hồ Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHNA09	010100093301	Ngữ pháp 2
2201	2431720517	Nguyễn Thuý	An	Nữ	24ĐHNA09	010100093301	Ngữ pháp 2
2202	2431720025	Nguyễn Lê Tường	Vy	Nữ	24ĐHNA01	010100093302	Ngữ pháp 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2203	2431720058	Châu Thái Thanh	Thư	Nữ	24ĐHNA01	010100093302	Ngữ pháp 2
2204	2431720231	Tạ Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA04	010100093302	Ngữ pháp 2
2205	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100093302	Ngữ pháp 2
2206	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100093302	Ngữ pháp 2
2207	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100093302	Ngữ pháp 2
2208	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100093302	Ngữ pháp 2
2209	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100093302	Ngữ pháp 2
2210	2431720368	Phan Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2211	2431720380	Đinh Nguyễn Hoàng	Hương	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2212	2431720386	Chung Khâ	Doanh	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2213	2431720404	Võ Kim	Thuyên	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2214	2431720406	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2215	2431720407	Bùi Nguyễn Hà	My	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2216	2431720414	Trần Thị Hồng	Gấm	Nữ	24ĐHNA07	010100093302	Ngữ pháp 2
2217	2431720003	Nguyễn Cao	Trí	Nam	24ĐHNA01	010100093303	Ngữ pháp 2
2218	2431720156	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100093303	Ngữ pháp 2
2219	2431720166	Đỗ Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	24ĐHNA03	010100093303	Ngữ pháp 2
2220	2431720390	Từ Gia	Hào	Nam	24ĐHNA07	010100093303	Ngữ pháp 2
2221	2431720037	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	24ĐHNA01	010100093304	Ngữ pháp 2
2222	2431720042	Trần Mạnh	Cường	Nam	24ĐHNA01	010100093304	Ngữ pháp 2
2223	2431720134	Châu Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA03	010100093304	Ngữ pháp 2
2224	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100093304	Ngữ pháp 2
2225	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100093304	Ngữ pháp 2
2226	2431720366	Huỳnh Quang	Đoàn	Nam	24ĐHNA07	010100093304	Ngữ pháp 2
2227	2431720375	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24ĐHNA07	010100093304	Ngữ pháp 2
2228	2431720389	Dư Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100093304	Ngữ pháp 2
2229	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	010100093304	Ngữ pháp 2
2230	2431720115	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	24ĐHNA02	010100093305	Ngữ pháp 2
2231	2431720239	Phan Ngọc Huệ	Trân	Nữ	24ĐHNA04	010100093305	Ngữ pháp 2
2232	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100093305	Ngữ pháp 2
2233	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100093305	Ngữ pháp 2
2234	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100093305	Ngữ pháp 2
2235	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100093305	Ngữ pháp 2
2236	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100093305	Ngữ pháp 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2237	2431720385	Triệu Phú	Quý	Nữ	24ĐHNA07	010100093305	Ngữ pháp 2
2238	2431720391	Đổng Quốc	Khánh	Nam	24ĐHNA07	010100093305	Ngữ pháp 2
2239	2431720392	Trần Hà Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA07	010100093305	Ngữ pháp 2
2240	2431720413	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	24ĐHNA07	010100093305	Ngữ pháp 2
2241	2431720422	Nguyễn Huỳnh	Thy	Nữ	24ĐHNA07	010100093305	Ngữ pháp 2
2242	2431720531	Lưu Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA09	010100093305	Ngữ pháp 2
2243	2431720542	Lê Mai	Ngọc	Nữ	24ĐHNA09	010100093305	Ngữ pháp 2
2244	2431720049	Cao Điền Thành	Công	Nam	24ĐHNA01	010100093306	Ngữ pháp 2
2245	2431720297	Hồ Ngọc Cát	Tường	Nữ	24ĐHNA05	010100093306	Ngữ pháp 2
2246	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100093306	Ngữ pháp 2
2247	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	Nữ	23ĐHNATM1	010100093307	Ngữ pháp 2
2248	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2249	2431720072	Phan Trần Ngọc	Trân	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2250	2431720080	Hồ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2251	2431720082	Đinh Phạm Thúy	Bình	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2252	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2253	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2254	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2255	2431720108	Võ Nguyễn Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2256	2431720111	Nguyễn Ngọc Thái	Như	Nữ	24ĐHNA02	010100093307	Ngữ pháp 2
2257	2431720137	Mai Hồng	Phượng	Nữ	24ĐHNA03	010100093307	Ngữ pháp 2
2258	2431720370	Đặng Lâm	Huyền	Nữ	24ĐHNA07	010100093307	Ngữ pháp 2
2259	2431720372	Lương Hiếu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100093307	Ngữ pháp 2
2260	2431720457	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	Nữ	24ĐHNA08	010100093307	Ngữ pháp 2
2261	2431720376	Lê Nhật Hải	Ly	Nữ	24ĐHNA07	010100093308	Ngữ pháp 2
2262	2431720446	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA08	010100093308	Ngữ pháp 2
2263	2431720071	Đỗ Bích	Ngọc	Nữ	24ĐHNA02	010100093309	Ngữ pháp 2
2264	2431720075	Võ Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100093309	Ngữ pháp 2
2265	2431720098	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	24ĐHNA02	010100093309	Ngữ pháp 2
2266	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100093309	Ngữ pháp 2
2267	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100093309	Ngữ pháp 2
2268	2431720383	Nhan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	24ĐHNA07	010100093309	Ngữ pháp 2
2269	2431720008	Lâm Gia	Bảo	Nam	24ĐHNA01	010100093310	Ngữ pháp 2
2270	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100093310	Ngữ pháp 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2271	2431720183	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	24ĐHNA04	010100093310	Ngữ pháp 2
2272	2431720202	Nguyễn Nhật	Hậu	Nữ	24ĐHNA04	010100093310	Ngữ pháp 2
2273	2431720213	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	24ĐHNA04	010100093310	Ngữ pháp 2
2274	2431720135	Trần Ngọc Thiên	Ân	Nữ	24ĐHNA03	010100093311	Ngữ pháp 2
2275	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100093311	Ngữ pháp 2
2276	2431720148	Nguyễn Cao	Bách	Nam	24ĐHNA03	010100093311	Ngữ pháp 2
2277	2431720374	Đào Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24ĐHNA07	010100093311	Ngữ pháp 2
2278	2431720377	Đàm Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100093311	Ngữ pháp 2
2279	2431720522	Lê Nguyễn Thành	Đạt	Nam	24ĐHNA09	010100093311	Ngữ pháp 2
2280	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100093312	Ngữ pháp 2
2281	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100093312	Ngữ pháp 2
2282	2431720078	Lâm Hiếu	Nghi	Nữ	24ĐHNA02	010100093312	Ngữ pháp 2
2283	2431720253	Đinh Tấn	Phát	Nam	24ĐHNA05	010100093312	Ngữ pháp 2
2284	2431720509	Ngô Gia	Quy	Nữ	24ĐHNA09	010100093312	Ngữ pháp 2
2285	2431720061	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100093313	Ngữ pháp 2
2286	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100093313	Ngữ pháp 2
2287	2431720084	Nguyễn Ngọc	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100093313	Ngữ pháp 2
2288	2431720085	Nguyễn Như	Băng	Nữ	24ĐHNA02	010100093313	Ngữ pháp 2
2289	2431720122	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100093313	Ngữ pháp 2
2290	2431720161	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	24ĐHNA03	010100093313	Ngữ pháp 2
2291	2431720189	Ngô Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNA04	010100093313	Ngữ pháp 2
2292	2431720203	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	24ĐHNA04	010100093313	Ngữ pháp 2
2293	2431720216	Nguyễn Hoàng Ý	Như	Nữ	24ĐHNA04	010100093313	Ngữ pháp 2
2294	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	010100093313	Ngữ pháp 2
2295	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100093314	Ngữ pháp 2
2296	2431720033	Cù Yến	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100093314	Ngữ pháp 2
2297	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100093314	Ngữ pháp 2
2298	2431720116	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24ĐHNA02	010100093314	Ngữ pháp 2
2299	2431720403	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100093314	Ngữ pháp 2
2300	2431720412	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Nữ	24ĐHNA07	010100093314	Ngữ pháp 2
2301	2431720418	Hoàng Anh	Thư	Nữ	24ĐHNA07	010100093314	Ngữ pháp 2
2302	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100093314	Ngữ pháp 2
2303	2431720472	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	24ĐHNA08	010100093314	Ngữ pháp 2
2304	2331720119	Nguyễn Phạm Minh	Nhật	Nam	23ĐHNATM2	010100093801	Ngữ âm và Âm vị học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2305	2331720382	Trần Anh	Thư	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093801	Ngữ âm và Âm vị học
2306	2331720418	Hoàng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093801	Ngữ âm và Âm vị học
2307	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093801	Ngữ âm và Âm vị học
2308	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2309	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2310	2331720170	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2311	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2312	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2313	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2314	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2315	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2316	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2317	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093802	Ngữ âm và Âm vị học
2318	2331720104	Trịnh Lê Quỳnh	Nga	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093803	Ngữ âm và Âm vị học
2319	2331720107	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093803	Ngữ âm và Âm vị học
2320	2252210077	Phùng Nguyễn Hoàng	Ngân	Nữ	22ĐHNADL	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2321	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2322	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2323	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2324	2331720308	Ngô Thùy Thảo	Trình	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2325	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2326	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093804	Ngữ âm và Âm vị học
2327	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2328	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2329	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2330	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2331	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2332	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2333	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2334	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093805	Ngữ âm và Âm vị học
2335	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093806	Ngữ âm và Âm vị học
2336	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093806	Ngữ âm và Âm vị học
2337	2331720441	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	23ĐHNAHK2	010100093806	Ngữ âm và Âm vị học
2338	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mẫn	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2339	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2340	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2341	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	Nam	23ĐHNATM3	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2342	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2343	2331720336	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2344	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2345	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2346	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2347	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2348	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2349	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2350	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2351	2331720449	Phạm Tường	Vi	Nữ	23ĐHNATM4	010100093807	Ngữ âm và Âm vị học
2352	2331720013	Lê Thị Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093808	Ngữ âm và Âm vị học
2353	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093808	Ngữ âm và Âm vị học
2354	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093808	Ngữ âm và Âm vị học
2355	2331720067	Bùi Ái	Thi	Nữ	23ĐHNATM1	010100093808	Ngữ âm và Âm vị học
2356	2331720213	Mai Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100093808	Ngữ âm và Âm vị học
2357	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100093809	Ngữ âm và Âm vị học
2358	2331720179	Chu Ngọc Yên	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093809	Ngữ âm và Âm vị học
2359	2331720193	Lê Phương	Uyên	Nữ	23ĐHNATM3	010100093809	Ngữ âm và Âm vị học
2360	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yên	Nữ	23ĐHNATM3	010100093811	Ngữ âm và Âm vị học
2361	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093811	Ngữ âm và Âm vị học
2362	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093811	Ngữ âm và Âm vị học
2363	2331720050	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	23ĐHNATM1	010100093901	Hình vị học
2364	2331720053	Đinh Hồng Hoài	Ân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093901	Hình vị học
2365	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093902	Hình vị học
2366	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093902	Hình vị học
2367	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNATM3	010100093902	Hình vị học
2368	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100093902	Hình vị học
2369	2252210013	Bùi Tấn	Duy	Nam	22ĐHNAHK	010100093903	Hình vị học
2370	2331720193	Lê Phương	Uyên	Nữ	23ĐHNATM3	010100093903	Hình vị học
2371	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093903	Hình vị học
2372	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNATM3	010100093903	Hình vị học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2373	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093903	Hình vị học
2374	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100093903	Hình vị học
2375	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100093904	Hình vị học
2376	2331720104	Trịnh Lê Quỳnh	Nga	Nữ	23ĐHNATM1	010100093904	Hình vị học
2377	2331720107	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093904	Hình vị học
2378	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093904	Hình vị học
2379	2331720308	Ngô Thuý Thảo	Trinh	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2380	2331720336	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2381	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2382	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2383	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2384	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2385	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093904	Hình vị học
2386	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2387	2331720418	Hoàng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093904	Hình vị học
2388	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093904	Hình vị học
2389	2331720449	Phạm Tường	Vi	Nữ	23ĐHNATM4	010100093904	Hình vị học
2390	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093906	Hình vị học
2391	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mẫn	Nữ	23ĐHNATM2	010100093907	Hình vị học
2392	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100093907	Hình vị học
2393	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100093907	Hình vị học
2394	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093907	Hình vị học
2395	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100093907	Hình vị học
2396	2331720441	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	23ĐHNATM3	010100093907	Hình vị học
2397	2331720119	Nguyễn Phạm Minh	Nhật	Nam	23ĐHNATM2	010100093908	Hình vị học
2398	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100093908	Hình vị học
2399	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093908	Hình vị học
2400	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100093908	Hình vị học
2401	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100093908	Hình vị học
2402	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093908	Hình vị học
2403	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093908	Hình vị học
2404	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093909	Hình vị học
2405	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093909	Hình vị học
2406	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100093909	Hình vị học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2407	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	23ĐHNATM1	010100093909	Hình vị học
2408	2331720213	Mai Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100093910	Hình vị học
2409	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNATM3	010100093910	Hình vị học
2410	2331720024	Lê Đăng Quốc	Bảo	Nam	23ĐHNATM1	010100093911	Hình vị học
2411	2331720082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23ĐHNATM1	010100093911	Hình vị học
2412	2331720170	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100093911	Hình vị học
2413	2331720179	Chu Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100093911	Hình vị học
2414	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100093911	Hình vị học
2415	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100093911	Hình vị học
2416	2331720225	Bùi Thiên	Tài	Nam	23ĐHNATM3	010100093911	Hình vị học
2417	2331720241	Võ Ngọc	Tú	Nam	23ĐHNATM3	010100093911	Hình vị học
2418	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	Nam	23ĐHNATM3	010100093911	Hình vị học
2419	2331720317	Nguyễn Trọng Minh	Thông	Nam	23ĐHNATM4	010100093911	Hình vị học
2420	2152210080	Cao Anh	Thư	Nữ	21ĐHNATM	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2421	2331720119	Nguyễn Phạm Minh	Nhật	Nam	23ĐHNATM2	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2422	2331720213	Mai Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	23ĐHNATM3	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2423	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	23ĐHNATM3	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2424	2331720292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2425	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHNATM4	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2426	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	Nữ	23ĐHNATM4	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2427	2331720393	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Nữ	23ĐHNATM4	010100094601	Tiếng Anh thương mại 1
2428	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	Nữ	23ĐHNATM3	010100094602	Tiếng Anh thương mại 1
2429	2331720039	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	23ĐHNATM1	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2430	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2431	2331720267	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	23ĐHNATM3	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2432	2331720271	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2433	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	23ĐHNATM4	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2434	2331720374	Phan Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNATM4	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2435	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	Nữ	23ĐHNATM1	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2436	2331720449	Phạm Tường	Vi	Nữ	23ĐHNATM4	010100094603	Tiếng Anh thương mại 1
2437	2331720024	Lê Đăng Quốc	Bảo	Nam	23ĐHNATM1	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2438	2331720082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23ĐHNATM1	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2439	2331720161	Đoàn Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2440	2331720169	Đỗ Thị Kim	Mẫn	Nữ	23ĐHNATM2	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2441	2331720184	Lê Thùy Thảo	Nguyên	Nữ	23ĐHNATM2	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2442	2331720308	Ngô Thuỳ Thảo	Trinh	Nữ	23ĐHNATM4	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2443	2331720336	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	Nữ	23ĐHNATM4	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2444	2331720438	Huỳnh Thùy Minh	Á	Nữ	23ĐHNATM2	010100094604	Tiếng Anh thương mại 1
2445	2331720186	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	23ĐHNATM3	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2446	2331720225	Bùi Thiên	Tài	Nam	23ĐHNATM3	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2447	2331720241	Võ Ngọc	Tú	Nam	23ĐHNATM3	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2448	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	Nam	23ĐHNATM3	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2449	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2450	2331720317	Nguyễn Trọng Minh	Thông	Nam	23ĐHNATM4	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2451	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNATM4	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2452	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNATM4	010100094605	Tiếng Anh thương mại 1
2453	2331720104	Trịnh Lê Quỳnh	Nga	Nữ	23ĐHNATM1	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2454	2331720170	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM2	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2455	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2456	2331720196	Trương Gia	Linh	Nữ	23ĐHNATM2	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2457	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2458	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2459	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100094606	Tiếng Anh thương mại 1
2460	2331720332	Phạm Hoài Phương	Thảo	Nữ	23ĐHNADL	010100095602	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1
2461	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	Nữ	22ĐHNATM1	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá
2462	2252210059	Trần Thị Mỹ	An	Nữ	22ĐHNATM1	010100096402	Giao tiếp liên văn hoá
2463	2252210071	Huỳnh Thảo	Nguyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2464	2252210076	Trương Quế	Ngân	Nữ	22ĐHNATM2	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2465	2252210077	Phùng Nguyễn Hoàng	Ngân	Nữ	22ĐHNADL	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2466	2252210091	Nguyễn Trần Khả	Uyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2467	2252210094	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	22ĐHNADL	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2468	2252210161	Phạm Đoàn Phi	Yến	Nữ	22ĐHNAHK	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá
2469	2254810109	Trương Sơn	Trúc	Nam	22ĐHTT03	010100096601	Lập trình cơ bản
2470	2431540035	Cao Quốc	Tiến	Nam	24ĐHTT01	010100096601	Lập trình cơ bản
2471	2431540245	Giang Gia	Mẫn	Nữ	24ĐHTT05	010100096601	Lập trình cơ bản
2472	2331540057	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	23ĐHTT02	010100096602	Lập trình cơ bản
2473	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	010100096602	Lập trình cơ bản
2474	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	010100096602	Lập trình cơ bản

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2475	2431540277	Nguyễn Đàm	Chi	Nam	24ĐHTT05	010100096602	Lập trình cơ bản
2476	2431540170	Trần Vũ Phương	Thùy	Nữ	24ĐHTT03	010100096603	Lập trình cơ bản
2477	2431540203	Trần Lê Nam	Giang	Nam	24ĐHTT04	010100096604	Lập trình cơ bản
2478	2431540280	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	24ĐHTT05	010100096605	Lập trình cơ bản
2479	2431540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24ĐHTT01	010100096606	Lập trình cơ bản
2480	2431540349	Nguyễn Kỳ	Đàn	Nam	24ĐHTT06	010100096606	Lập trình cơ bản
2481	2431720062	Trần Nguyễn Minh	Thư	Nữ	24ĐHNA02	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2482	2431720277	Huỳnh Tiến	Dũng	Nam	24ĐHNA05	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2483	2431720293	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2484	2431720301	Ngô Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2485	2431720370	Đặng Lâm	Huyền	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2486	2431720372	Lương Hiếu	Hân	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2487	2431720389	Dư Lan	Anh	Nữ	24ĐHNA07	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2488	2431720517	Nguyễn Thuý	An	Nữ	24ĐHNA09	010100102001	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2489	2431720137	Mai Hồng	Phượng	Nữ	24ĐHNA03	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2490	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	010100102002	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2491	2252210059	Trần Thị Mỹ	An	Nữ	22ĐHNATM1	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2492	2252210091	Nguyễn Trần Khả	Uyên	Nữ	22ĐHNATM2	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2493	2431720039	Phan Hoài Diễm	Phúc	Nữ	24ĐHNA01	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2494	2431720093	Tiêu Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2495	2431720094	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	24ĐHNA02	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2496	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2497	2431720396	Dương Trương Nhã	Linh	Nữ	24ĐHNA07	010100102003	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2498	2431720070	Phạm Đỗ Phương	Thảo	Nữ	24ĐHNA02	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2499	2431720287	Võ Hoàng Nam	Phương	Nữ	24ĐHNA05	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2500	2431720531	Lưu Ngọc	Thương	Nữ	24ĐHNA09	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2501	2431720542	Lê Mai	Ngọc	Nữ	24ĐHNA09	010100102004	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2502	2152210047	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	21ĐHNATM	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2503	2331720217	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	Nữ	23ĐHNATM2	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2504	2431720095	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHNA02	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2505	2431720135	Trần Ngọc Thiên	Ấn	Nữ	24ĐHNA03	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2506	2431720136	Lương Kim Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA03	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2507	2431720261	Nguyễn Xuân Bảo	Hân	Nữ	24ĐHNA05	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2508	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2509	2431720282	Bùi Trần Nhật	Minh	Nam	24ĐHNA05	010100102005	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2510	2431720245	Đoàn Hiếu	Thảo	Nữ	24ĐHNA05	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2511	2431720258	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24ĐHNA05	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2512	2431720264	Nguyễn Thành	Long	Nam	24ĐHNA05	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2513	2431720268	Dương Phước	Sang	Nam	24ĐHNA05	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2514	2431720271	Đỗ Võ Tường	Vi	Nữ	24ĐHNA05	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2515	2431720366	Huỳnh Quang	Đoàn	Nam	24ĐHNA07	010100102006	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2516	2252210013	Bùi Tấn	Duy	Nam	22ĐHNAHK	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2517	2431720008	Lâm Gia	Bảo	Nam	24ĐHNA01	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2518	2431720018	Nguyễn Võ Chang	Mi	Nữ	24ĐHNA01	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2519	2431720033	Cù Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA01	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2520	2431720052	Lê Hà Hương	Linh	Nữ	24ĐHNA01	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2521	2431720369	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	24ĐHNA07	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2522	2431720420	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	24ĐHNA07	010100102007	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2523	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2524	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHNAHK2	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2525	2431720156	Võ Thị Yên	Nhi	Nữ	24ĐHNA03	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2526	2431720166	Đỗ Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	24ĐHNA03	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2527	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2528	2431720253	Đinh Tấn	Phát	Nam	24ĐHNA05	010100102008	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2529	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	Nữ	23ĐHNATM3	010100102009	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2530	2331720255	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHNATM3	010100102009	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1
2531	2331720178	Dương Thị Ngọc	Dung	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2532	2331720188	Nguyễn Hiền	Linh	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2533	2331720304	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2534	2331720382	Trần Anh	Thư	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2535	2331720405	Trần Hồng	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2536	2331720418	Hoàng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104901	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2537	2331720013	Lê Thị Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2538	2331720027	Đặng Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2539	2331720051	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2540	2331720179	Chu Ngọc Yên	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2541	2331720221	Nguyễn Lê Ý	Nhi	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2542	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104902	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2543	2331720107	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2544	2331720202	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2545	2331720348	Mai Liêng Mỹ	Trà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2546	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2547	2331720436	Võ Mai	Thi	Nữ	23ĐHNAHK1	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2548	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	Nữ	23ĐHNAHK2	010100104903	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK
2549	2331740079	Phạm Mỹ	Hòa	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100106101	Tiếng Anh 1
2550	2431310026	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24ĐHQT01	010100106101	Tiếng Anh 1
2551	2253440055	Nguyễn Yên	Linh	Nữ	22ĐHNL02	010100106102	Tiếng Anh 1
2552	2254810190	Phạm Thị	Oanh	Nữ	22ĐHTT04	010100106102	Tiếng Anh 1
2553	2331320018	Lê Nguyễn Minh	Anh	Nữ	23ĐHNL01	010100106102	Tiếng Anh 1
2554	2331320020	Trần Huỳnh Nam	Anh	Nữ	23ĐHNL04	010100106102	Tiếng Anh 1
2555	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDL04	010100106102	Tiếng Anh 1
2556	2431730307	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010100106102	Tiếng Anh 1
2557	2254810139	Nguyễn Trần Tuấn	Phát	Nam	22ĐHTT03	010100106104	Tiếng Anh 1
2558	2258130020	Su Tuyết	Quân	Nữ	22ĐHDL01	010100106104	Tiếng Anh 1
2559	2331540076	Nguyễn Đình Xuân	Huy	Nam	23ĐHTT02	010100106104	Tiếng Anh 1
2560	2431310091	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	24ĐHQT02	010100106104	Tiếng Anh 1
2561	2431310114	Lê Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHQT02	010100106104	Tiếng Anh 1
2562	2431320049	Dương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	24ĐHNL01	010100106104	Tiếng Anh 1
2563	2431740224	Đào Bùi Anh	Thư	Nữ	24ĐHKVC2	010100106104	Tiếng Anh 1
2564	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC1	010100106105	Tiếng Anh 1
2565	2431730284	Nguyễn Hữu Minh	Khang	Nam	24ĐHDLC3	010100106105	Tiếng Anh 1
2566	2431730294	Nguyễn Tài	Tú	Nam	24ĐHDLC3	010100106105	Tiếng Anh 1
2567	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLC3	010100106105	Tiếng Anh 1
2568	2431740354	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	24ĐHKV02	010100106105	Tiếng Anh 1
2569	2431740356	Tăng Ái	Quân	Nữ	24ĐHKV02	010100106110	Tiếng Anh 1 - English 1
2570	2253440020	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	Nữ	22ĐHNL01	010100109501	Tiếng Anh 2
2571	2253440036	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	Nữ	22ĐHNL01	010100109501	Tiếng Anh 2
2572	2254810119	Trần Minh	Tâm	Nam	22ĐHTT03	010100109501	Tiếng Anh 2
2573	2253440100	Trần Ngô Yên	Thi	Nữ	22ĐHNL02	010100109501	Tiếng Anh 2
2574	2253440041	Lén Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	22ĐHNL01	010100109502	Tiếng Anh 2
2575	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHNL02	010100109502	Tiếng Anh 2
2576	2250000005	Đinh Thị Xuân	Phú	Nữ	22ĐHKVLĐ	010100109502	Tiếng Anh 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2577	2201150068	Lê Anh	Thái	Nam	22ĐHQTVT2	010100109503	Tiếng Anh 2
2578	2253410136	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	22ĐHQTC2	010100109503	Tiếng Anh 2
2579	2250000086	Lê Tuyết	Trình	Nữ	22ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2580	2331740026	Lê Thị Khả	Ái	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2581	2331740046	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2582	2331740071	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2583	2331740087	Phạm Thành	Trung	Nam	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2584	2331740247	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2585	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2586	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	010100110001	Tài chính doanh nghiệp
2587	2331740065	Phan Thị Cẩm	Thi	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100110301	Marketing quốc tế
2588	2331740079	Phạm Mỹ	Hòa	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100110301	Marketing quốc tế
2589	2331740108	Trần Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100110301	Marketing quốc tế
2590	2331740261	Phạm Thị Ngọc	Quyên	Nữ	23ĐHKVLQ1	010100110301	Marketing quốc tế
2591	2331740080	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2592	2331740081	Đinh Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2593	2331740084	Vũ Gia	Linh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2594	2331740085	Lê Huỳnh Minh	Thy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2595	2331740105	Bùi Thị Gia	Lộc	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2596	2331740230	Son Triệu	Duy	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2597	2331740238	Nguyễn	Hoàng	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2598	2331740241	Ngô Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2599	2331740275	Đinh Khắc	Long	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100110401	Dịch vụ khách hàng
2600	2250000105	Bùi Thành	Phát	Nam	22ĐHKVLQ1	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2601	2250000117	Đinh Hoàng Nhã	Uyên	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2602	2250000138	Nguyễn Trần Minh	Phương	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2603	2331710007	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2604	2331320029	Trình Tổ	Trình	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2605	2331740066	Lê Ngọc Phương	Anh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2606	2331740207	Đàm Thị	Nương	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2607	2331740222	Nguyễn Cao Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2608	2331740236	Châu Hiệp	Phát	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2609	2331740259	Bùi Ngọc Như	Ý	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2610	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100110402	Dịch vụ khách hàng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2611	2331740267	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100110402	Dịch vụ khách hàng
2612	2153410101	Tô Ngọc	Huyền	Nữ	21ĐHQTVT1	010100111901	Tiếng Anh 3
2613	2258420015	Nguyễn Thị Ánh	My	Nữ	22ĐHKL01	010100111901	Tiếng Anh 3
2614	2258420019	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	22ĐHKL01	010100111901	Tiếng Anh 3
2615	2258420032	La Nguyên	Khang	Nam	22ĐHKL01	010100111901	Tiếng Anh 3
2616	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100111901	Tiếng Anh 3
2617	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	Nam	22ĐHTT03	010100111901	Tiếng Anh 3
2618	2254810139	Nguyễn Trần Tuấn	Phát	Nam	22ĐHTT03	010100111901	Tiếng Anh 3
2619	2253440094	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	22ĐHNL02	010100111901	Tiếng Anh 3
2620	2253410225	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22ĐHQTC2	010100111901	Tiếng Anh 3
2621	2258130047	Đỗ Thị Kim	Chi	Nữ	22ĐHDL01	010100111901	Tiếng Anh 3
2622	2258130065	Trương Trần Phương	Thảo	Nữ	22ĐHDL02	010100111901	Tiếng Anh 3
2623	2254810320	Phan Thị Thảo	Anh	Nữ	22ĐHTT03	010100111901	Tiếng Anh 3
2624	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	010100111902	Tiếng Anh 3
2625	2331530105	Trần Lê	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ01	010100112005	Tiếng Anh 4
2626	2331540191	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	Nam	23ĐHTT04	010100112009	Tiếng Anh 4
2627	2331730146	Lưu Hồng	Phát	Nam	23ĐHDL03	010100112009	Tiếng Anh 4
2628	2331540028	Vũ Nguyễn Minh	Đức	Nam	23ĐHTT01	010100112011	Tiếng Anh 4
2629	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100112011	Tiếng Anh 4
2630	2258130114	Trần Như	Thụy	Nữ	22ĐHDL02	010100112018	Tiếng Anh 4
2631	2331320027	Hoàng Ngọc Bảo	Hân	Nữ	23ĐHNL04	010100138001	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2632	2331320028	Hoàng Lê Kim	Ngân	Nữ	23ĐHNL04	010100138001	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2633	2331320077	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	23ĐHNL04	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2634	2331320092	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	Nữ	23ĐHNL02	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2635	2331320095	Trần Thư	Kỳ	Nữ	23ĐHNL02	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2636	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2637	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2638	2331320126	Phạm Phương	Nhi	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2639	2331320133	Chu Thị Mỹ	Vy	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2640	2331320155	Nguyễn Phạm Trà	My	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2641	2331320168	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2642	2331320173	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2643	2331320179	Huỳnh Hiếu	Ngân	Nữ	23ĐHNL03	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2644	2331320213	Ngô Hồng	Thanh	Nữ	23ĐHNL04	010100138002	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2645	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHNL02	010100138003	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2646	2331320147	Nguyễn Mỹ	Anh	Nữ	23ĐHNL03	010100138003	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2647	2331320185	Huỳnh Thị Tú	Uyên	Nữ	23ĐHNL04	010100138003	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2648	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	23ĐHNL04	010100138003	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2649	2253440072	Hoàng Đỗ	Quyên	Nữ	22ĐHNL02	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2650	2331320001	Hồ Ngọc Thuy	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2651	2331320011	Trần Lê Yên	Vy	Nữ	23ĐHNL01	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2652	2331320058	Cao Trần Khánh	Huyền	Nữ	23ĐHNL01	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2653	2331320091	Phạm Tuyết	Nhi	Nữ	23ĐHNL04	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2654	2331320131	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL03	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2655	2331320135	Quang Bảo	Nghi	Nữ	23ĐHNL03	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2656	2331320141	Huỳnh Lê Xuân	Mai	Nữ	23ĐHNL04	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2657	2331320159	Đoàn Lan Kim	Khánh	Nữ	23ĐHNL03	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2658	2331320171	Trần Lương Thuận	Trân	Nữ	23ĐHNL03	010100138004	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng
2659	2331740046	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2660	2331740071	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2661	2331740087	Phạm Thành	Trung	Nam	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2662	2331740110	Nguyễn Trần Phước	Thắng	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100148301	Marketing quốc tế
2663	2331740167	Nguyễn Trúc	Huỳnh	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2664	2331740178	Trần Khôi	Nguyên	Nam	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2665	2331740222	Nguyễn Cao Yên	Nhi	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148301	Marketing quốc tế
2666	2331740238	Nguyễn	Hoàng	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100148301	Marketing quốc tế
2667	2331740247	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2668	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2669	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	010100148301	Marketing quốc tế
2670	2331740264	Hồng Anh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100148301	Marketing quốc tế
2671	2331740275	Đinh Khắc	Long	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100148301	Marketing quốc tế
2672	2331740288	Nguyễn Trường	Anh	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100148301	Marketing quốc tế
2673	2331740054	Đỗ Phương	Vy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100148302	Marketing quốc tế
2674	2331740080	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100148302	Marketing quốc tế
2675	2331740084	Vũ Gia	Linh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100148302	Marketing quốc tế
2676	2331740105	Bùi Thị Gia	Lộc	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100148302	Marketing quốc tế
2677	2331740164	Trương Mỹ	Tiên	Nữ	23ĐHKVKH	010100148302	Marketing quốc tế
2678	2331740174	Lê Hoàng	Dung	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2679	2331740199	Huỳnh Lê Phương	Trúc	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế
2680	2331740207	Đàm Thị	Nương	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế
2681	2331740241	Ngô Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế
2682	2331740259	Bùi Ngọc Như	Ý	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế
2683	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100148302	Marketing quốc tế
2684	2250000114	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2685	2250000120	Phạm Nguyễn Minh	Vi	Nữ	22ĐHKVLQ2	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2686	2250000128	Ông Thiên	Phúc	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2687	2250000129	Võ Ngọc Thanh	Ngân	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2688	2250000130	Lê Ánh	Linh	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2689	2250000172	Phạm Thị	Thương	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2690	2331740026	Lê Thị Khả	Ái	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2691	2331740046	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2692	2331740071	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2693	2331740108	Trần Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKVLQ2	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2694	2331740167	Nguyễn Trúc	Huỳnh	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2695	2331740178	Trần Khôi	Nguyên	Nam	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2696	2331740247	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2697	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	Nữ	23ĐHKVKH	010100148801	Dịch vụ khách hàng
2698	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2699	2331310306	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2700	2331310349	Phạm Thanh	Hiền	Nữ	23ĐHQTC2	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2701	2331310366	Phan Ngọc Cẩm	Tú	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2702	2331310370	Đỗ Nguyễn Thuý	Dương	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2703	2331310373	Nguyễn Hiền	Trang	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2704	2331310374	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2705	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2706	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2707	2331310392	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2708	2331310408	Võ Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2709	2331310410	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2710	2331310504	Phạm Thị Ánh	Hà	Nữ	23ĐHQTC3	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2711	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	Nữ	23ĐHQTVT1	010100150201	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2712	2331310208	Võ Thị Ngân	Xuyến	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2713	2331310297	Bùi Quang	Phát	Nam	23ĐHQTVT2	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2714	2331310384	Trịnh Thu	Ngân	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2715	2331310420	Phan Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	23ĐHQTC2	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2716	2331310421	Vương Ngọc	Thảo	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2717	2331310428	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	23ĐHQTC1	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2718	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2719	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC1	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2720	2331310505	Thái Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2721	2331310508	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2722	2331310526	Phan Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100150202	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2723	2331310128	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2724	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	Nữ	23ĐHQTC2	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2725	2331310367	Trần Hà Nam	Phương	Nữ	23ĐHQTC3	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2726	2331310371	Trần Như Ngọc	Nga	Nữ	23ĐHQTC3	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2727	2331310403	Tô Tuyết	Anh	Nữ	23ĐHQTC3	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2728	2331310519	Mai Phương	Anh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2729	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23ĐHQTC2	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2730	2331310589	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100150203	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2731	2331310018	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	23ĐHQTVT1	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2732	2331310044	Nguyễn Trường Lan	Trình	Nữ	23ĐHQTC1	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2733	2331310378	Mai Thị	Hương	Nữ	23ĐHQTC3	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2734	2331310434	Đào Thị Thuỳ	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2735	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	Nữ	23ĐHQTVT2	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2736	2331310515	Lê Anh	Quân	Nam	23ĐHQTC3	010100150204	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2737	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	Nữ	23ĐHQTC3	010100150205	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2738	2331310595	Phùng Mai	Chang	Nữ	23ĐHQTC1	010100150205	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay
2739	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQTC3	010100150401	Pháp luật an ninh hàng không
2740	2331310562	Nguyễn Tống Khánh	Linh	Nữ	23ĐHQTC3	010100150401	Pháp luật an ninh hàng không
2741	2331740199	Huỳnh Lê Phương	Trúc	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2742	2331740230	Son Triệu	Duy	Nữ	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2743	2331740238	Nguyễn	Hoàng	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2744	2331740241	Ngô Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2745	2331740264	Hồng Anh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2746	2331740275	Đinh Khắc	Long	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2747	2331740288	Nguyễn Trường	Anh	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2748	2250000120	Phạm Nguyễn Minh	Vi	Nữ	22ĐHKVLQ2	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2749	2250000128	Ông Thiên	Phúc	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2750	2250000129	Võ Ngọc Thanh	Ngân	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2751	2250000130	Lê Ánh	Linh	Nữ	22ĐHKVLQ1	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2752	2331320029	Trịnh Tố	Trinh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2753	2331740080	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2754	2331740081	Đinh Ngọc	Hân	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2755	2331740084	Vũ Gia	Linh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2756	2331740085	Lê Huỳnh Minh	Thy	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2757	2331740086	Huỳnh Thị Thảo	Anh	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2758	2331740105	Bùi Thị Gia	Lộc	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2759	2331740110	Nguyễn Trần Phước	Thắng	Nam	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2760	2331740236	Châu Hiệp	Phát	Nam	23ĐHKVLĐ02	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2761	2331740267	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng
2762	2431740004	Nguyễn Vương Bảo	Triết	Nam	24ĐAKV01	010100173101	Macroeconomics
2763	2431740270	Hồ Phước	Lộc	Nam	24ĐAKV01	010100173101	Macroeconomics
2764	2431730301	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHDLC4	010200000302	Pháp luật đại cương
2765	1751010460	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	17ĐHQTC	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
2766	2250000188	Quách Minh	Hiếu	Nam	22ĐHKVLQ1	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
2767	2331740109	Bùi Quỳnh	Thư	Nữ	23ĐHKVLĐ01	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
2768	2331740254	Phạm Thị Thảo	Vi	Nữ	23ĐHKVKH	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
2769	2331310515	Lê Anh	Quân	Nam	23ĐHQTC3	010200011701	Phân tích hoạt động kinh doanh
2770	2201150068	Lê Anh	Thái	Nam	22ĐHQTVT2	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp
2771	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	22ĐHNL02	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp
2772	2253410136	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	22ĐHQTC2	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp
2773	2231320309	Nguyễn Hồng Thảo	Như	Nữ	22ĐHNL01	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp
2774	2331320185	Huỳnh Thị Tú	Uyên	Nữ	23ĐHNL04	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp
2775	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay
2776	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay
2777	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay
2778	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay
2779	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay
2780	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Quy tắc bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2781	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2782	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2783	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2784	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2785	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2786	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2787	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2788	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2789	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2790	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2791	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2792	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2793	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2794	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2795	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2796	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2797	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2798	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2799	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2800	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2801	2332710029	Lê Hữu	Văn	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2802	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2803	2332710032	Ngô Xuân	Hiển	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2804	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2805	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2806	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2807	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2808	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2809	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2810	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2811	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2812	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2813	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2814	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2815	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2816	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2817	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2818	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2819	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2820	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2821	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2822	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2823	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2824	2332710056	Đình Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2825	2332710059	Đình Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200031401	Qui tắc bay
2826	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2827	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2828	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2829	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2830	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2831	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2832	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2833	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2834	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2835	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2836	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2837	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2838	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2839	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2840	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2841	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2842	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2843	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2844	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2845	2332710032	Ngô Xuân	Hiển	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2846	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2847	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2848	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2849	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2850	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2851	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2852	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2853	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2854	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2855	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2856	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2857	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2858	2332710056	Đinh Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2859	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200052401	Lịch sử Đảng
2860	2332710001	Nguyễn Mai	Chi	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2861	2332710002	Ngô Nhật	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2862	2332710003	Lê Nguyễn Việt	Hằng	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2863	2332710004	Trần	Sang	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2864	2332710005	Ngô Gia	Tuệ	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2865	2332710006	Nguyễn Đình	Toàn	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2866	2332710007	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2867	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2868	2332710009	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2869	2332710010	Phạm Minh	Phúc	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2870	2332710011	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2871	2332710012	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2872	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2873	2332710014	Trần Trung	Đạt	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2874	2332710015	Vũ Hoài	Hương	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2875	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2876	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2877	2332710019	Ngô Nguyễn Hà	Vy	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2878	2332710020	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2879	2332710021	Ngô Đăng	Khoa	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2880	2332710022	Ngô Lan	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2881	2332710023	Trần Thanh	Huyền	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2882	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2883	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2884	2332710026	Lê Khánh	Linh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2885	2332710027	Trần Gia	Cường	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2886	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2887	2332710029	Lê Hữu	Văn	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2888	2332710031	Trần Thị Việt	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2889	2332710032	Ngô Xuân	Hiển	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2890	2332710033	Trần Thái	Son	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2891	2332710034	Nguyễn Đức	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2892	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2893	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2894	2332710038	Hồ Hoàng	Hiếu	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2895	2332710039	Nguyễn Bùi Huyền	Anh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2896	2332710040	Phạm Quang	Khải	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2897	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2898	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2899	2332710043	Trần Nguyễn Thanh	Huy	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2900	2332710044	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2901	2332710045	Hoàng Ngọc	Đức	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2902	2332710046	Lã Thị Mai	Phương	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2903	2332710047	Phạm Thị Thu	Hòa	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2904	2332710048	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2905	2332710049	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2906	2332710050	Lê Minh	Nghi	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2907	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2908	2332710053	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Nữ	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2909	2332710054	Nguyễn Quang	Minh	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2910	2332710056	Đinh Nam	Du	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2911	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	Nam	23ĐVKL01	010200084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
2912	2250000130	Lê Ánh	Linh	Nữ	22ĐHKVLQ1	010200106101	Tiếng Anh 1
2913	2431730125	Lê Việt Bảo	Phúc	Nam	24ĐHDL04	010200106101	Tiếng Anh 1
2914	2433520011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2915	2433520019	Võ Thiện	Trung	Nam	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2916	2433520021	Tăng Minh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2917	2431730056	Hồ Quốc	An	Nam	24ĐHDL01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2918	2433520031	Nguyễn Hữu Minh	Thiện	Nam	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2919	2433520039	Lại Trung	Hiếu	Nam	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2920	2433520043	Lê Trần Hải	Đặng	Nam	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2921	2433520054	Trần Phú	Cường	Nam	24ĐHKT01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2922	2431730119	Lê Bá	Long	Nam	24ĐHDL01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2923	2433520123	Nguyễn Hữu Hoàng	Nguyên	Nam	24ĐHKT02	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2924	2431320161	Nguyễn Ngọc Duy	Tiên	Nữ	24ĐHNL03	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2925	2431320175	Nguyễn Đặng Sao	Mai	Nữ	24ĐHNL03	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2926	2433520167	Lưu Tiến	Phát	Nam	24ĐHKT03	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2927	2433520224	Nguyễn Yến Huyền	Trâm	Nữ	24ĐHKT02	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2928	2331320101	Đỗ Thảo	My	Nữ	23ĐHNL02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2929	2331320104	Nguyễn Ngọc Hoài	An	Nữ	23ĐHNL02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2930	2431310041	Đặng Triệu	Mẫn	Nữ	24ĐHQT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2931	2431310043	Thái Nguyễn Diệu	My	Nữ	24ĐHQT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2932	2431310227	Lê Nhật Hoài	Thương	Nữ	24ĐHQT04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2933	2433520069	Hà Minh	Thư	Nữ	24ĐHKT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2934	2431310245	Phạm Thành	Dương	Nam	24ĐHQT04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2935	2431730204	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	24ĐHDL02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2936	2431730264	Đường Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2937	2431730295	Liên Liễu	Trúc	Nữ	24ĐHDLC3	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2938	2431730302	Nguyễn Hạnh Bảo	Trúc	Nữ	24ĐHDLC4	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2939	2431730303	Trang Thảo	Lam	Nữ	24ĐHDL04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2940	2433520125	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2941	2433530078	Phạm Thạch Gia	Hào	Nam	24ĐHTĐ02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2942	2433520191	Lê Chí	Vỹ	Nam	24ĐHKT03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2943	2433520193	Võ Cẩm	Đình	Nữ	24ĐHKT03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2944	2433520231	Nguyễn Kim	Hà	Nữ	24ĐHKT03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2945	2431730408	Nguyễn Lê Hoàng	My	Nữ	24ĐHDL04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2946	2431730411	Nguyễn Huyền Mỹ	Ngọc	Nữ	24ĐHDL04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2947	2331310385	Nguyễn Ngọc Phú	Linh	Nữ	23ĐHQTKQ2	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2948	2431310099	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	24ĐHQT02	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2949	2433520061	Dương Thị Phương	Duy	Nữ	24ĐHKT01	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2950	2431730245	Trần Ngọc Nhật	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2951	2431730251	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2952	2431730256	Nguyễn Hoàng Khánh	Châu	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2953	2431730287	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2954	2431730316	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2955	2431730319	Trần Mai Trâm	Anh	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2956	2431730353	Nguyễn Hoàng Ánh	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2957	2431730354	Tạ Mỹ	Quỳnh	Nữ	24ĐHDLC3	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2958	2431720231	Tạ Thị Thùy	Linh	Nữ	24ĐHNA04	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2959	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2960	2431720457	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	Nữ	24ĐHNA08	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2961	2433520156	Nguyễn Đình	Long	Nam	24ĐHKT03	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2962	2433520179	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	24ĐHKT03	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2963	2433520209	Trần Gia	Thái	Nam	24ĐHKT03	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2964	2433520210	Mai Quốc	Tiến	Nam	24ĐHKT03	011100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2965	2431310310	Trần Hoài Như	Ý	Nữ	24ĐHQT05	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2966	2431310407	Phạm Thị Yến	Nhi	Nữ	24ĐHQT07	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2967	2433520075	Nguyễn Gia	Hưng	Nam	24ĐHKT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2968	2431730221	Tổng Thị Mỹ	Uyên	Nữ	24ĐHDLC2	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2969	2431730284	Nguyễn Hữu Minh	Khang	Nam	24ĐHDLC3	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2970	2433520098	Mai Xuân	Tùng	Nam	24ĐHKT02	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2971	2433520176	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	24ĐHKT03	011100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2972	2331320049	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23ĐHNL04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2973	2331320185	Huỳnh Thị Tú	Uyên	Nữ	23ĐHNL04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2974	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	Nữ	23ĐHNL04	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2975	2431730046	Trần Hoàng Hà	Phương	Nữ	24ĐHDLC1	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2976	2431730066	Nguyễn Vy Yên	Nhi	Nữ	24ĐHDLC1	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2977	2433520050	Vũ Minh	Đức	Nam	24ĐHKT01	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2978	2431730141	Võ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24ĐHDLC4	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2979	2431730291	Nguyễn Ngọc	Thy	Nữ	24ĐHDLC3	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2980	2431730293	Trần Hoàng Quỳnh	Như	Nữ	24ĐHDLC3	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2981	2431730307	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	24ĐHDLC4	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2982	2433520135	Đông Gia	Thuận	Nam	24ĐHKT02	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2983	2431720383	Nhan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	24ĐHNA07	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2984	2431730394	Nguyễn Thủy Quý	Nhi	Nữ	24ĐHDLC4	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
2985	2431720529	Phạm Thị	Mi	Nữ	24ĐHNA09	011100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng
2986	2331310128	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	Nữ	23ĐHQTC1	011100001301	Pháp luật hàng không
2987	2331310380	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHQTC3	011100001301	Pháp luật hàng không
2988	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2989	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2990	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2991	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2992	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2993	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2994	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2995	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2996	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2997	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2998	2433710099	Ngô Thảo	Trang	Nữ	24ĐAKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
2999	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100001301	Pháp luật hàng không
3000	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
3001	2433710175	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100001301	Pháp luật hàng không
3002	2153410171	Lê Đức Doãn	Lệnh	Nam	21ĐHQTTTH1	011100001302	Pháp luật hàng không
3003	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	011100001302	Pháp luật hàng không
3004	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100001302	Pháp luật hàng không
3005	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100001302	Pháp luật hàng không
3006	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100001302	Pháp luật hàng không
3007	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100001302	Pháp luật hàng không
3008	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3009	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3010	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3011	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3012	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3013	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3014	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3015	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3016	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100001302	Pháp luật hàng không
3017	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3018	2433710025	Huỳnh Đăng Phương	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3019	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3020	2433710053	Lê Trần Hồng	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3021	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	011100001303	Pháp luật hàng không
3022	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3023	2433710059	Nguyễn Khánh	Trinh	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3024	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3025	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3026	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100001303	Pháp luật hàng không
3027	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100001303	Pháp luật hàng không
3028	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	011100001303	Pháp luật hàng không
3029	2433710114	Nguyễn Yên	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3030	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3031	2433710131	Đào Phương	Trinh	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3032	2433710138	Lê Đặng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3033	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3034	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100001303	Pháp luật hàng không
3035	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3036	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3037	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3038	2331530105	Trần Lê	Kiệt	Nam	23ĐHTĐ01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3039	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3040	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3041	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3042	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3043	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3044	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3045	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3046	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3047	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3048	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3049	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3050	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3051	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3052	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3053	2331710042	Vi Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3054	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3055	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3056	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3057	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3058	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3059	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3060	2331710058	Nguyễn Minh	Thê	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3061	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3062	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3063	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3064	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3065	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3066	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3067	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3068	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3069	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3070	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3071	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3072	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3073	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3074	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3075	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3076	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3077	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3078	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3079	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3080	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3081	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3082	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3083	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3084	2331710117	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3085	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3086	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3087	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3088	2331530067	Cáp Hữu	Vinh	Nam	23ĐHTĐ02	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3089	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3090	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3091	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3092	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3093	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3094	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3095	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3096	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3097	2331710159	Trần Đăng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3098	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	Nam	23ĐHĐT01	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3099	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3100	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3101	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3102	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3103	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3104	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3105	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3106	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3107	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3108	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3109	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3110	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3111	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3112	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3113	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3114	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3115	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100003001	Sân bay
3116	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100003002	Sân bay
3117	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3118	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3119	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3120	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3121	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3122	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3123	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3124	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3125	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3126	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3127	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3128	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3129	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3130	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3131	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3132	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3133	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3134	2433710175	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100003002	Sân bay
3135	2433710177	Dương Nguyễn Yên	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100003002	Sân bay
3136	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3137	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100003601	Dịch vụ không lưu
3138	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	011100003601	Dịch vụ không lưu
3139	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100003601	Dịch vụ không lưu
3140	2331710117	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3141	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3142	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3143	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3144	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu
3145	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3146	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3147	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3148	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3149	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3150	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3151	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3152	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3153	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không
3154	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100008101	An toàn hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3155	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3156	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3157	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3158	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3159	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3160	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3161	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không
3162	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100008101	An toàn hàng không
3163	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100008102	An toàn hàng không
3164	2231710121	Nguyễn Ngọc Tổ	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100008102	An toàn hàng không
3165	2331310315	Ngô Quỳnh	Như	Nữ	23ĐHQGTAN	011100008102	An toàn hàng không
3166	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100008102	An toàn hàng không
3167	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100008102	An toàn hàng không
3168	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3169	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3170	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3171	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3172	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3173	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3174	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3175	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3176	2331710118	Đinh Tiên Phương	Giao	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3177	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100008102	An toàn hàng không
3178	2331310462	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	23ĐHQTC1	011100008102	An toàn hàng không
3179	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100008102	An toàn hàng không
3180	2331710159	Trần Đặng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100008102	An toàn hàng không
3181	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3182	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3183	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100008103	An toàn hàng không
3184	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3185	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3186	2331710042	Vi Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3187	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không
3188	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100008103	An toàn hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3189	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100008103	An toàn hàng không
3190	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100008103	An toàn hàng không
3191	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100008103	An toàn hàng không
3192	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100008103	An toàn hàng không
3193	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100008103	An toàn hàng không
3194	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100008103	An toàn hàng không
3195	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100008103	An toàn hàng không
3196	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100008103	An toàn hàng không
3197	2331310434	Đào Thị Thuỳ	Linh	Nữ	23ĐHQTC2	011100008103	An toàn hàng không
3198	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	011100008103	An toàn hàng không
3199	2433530027	Phan Đăng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	011100008701	Toán chuyên đề
3200	2433520126	Đinh Phúc	Khang	Nam	24ĐAKT01	011100008701	Toán chuyên đề
3201	2433520193	Võ Cẩm	Đinh	Nữ	24ĐHKT03	011100008701	Toán chuyên đề
3202	2433520231	Nguyễn Kim	Hà	Nữ	24ĐHKT03	011100008701	Toán chuyên đề
3203	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100008702	Toán chuyên đề
3204	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	011100008702	Toán chuyên đề
3205	2433520176	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	24ĐHKT03	011100008702	Toán chuyên đề
3206	2433520013	Phan Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT01	011100008703	Toán chuyên đề
3207	2433530114	Nguyễn Thị Phương	Bằng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100008703	Toán chuyên đề
3208	2433530115	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100008703	Toán chuyên đề
3209	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100008703	Toán chuyên đề
3210	2433520045	Lương Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	011100008704	Toán chuyên đề
3211	2433520086	Lê Bùi Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	011100008704	Toán chuyên đề
3212	2433520232	Phạm Ngô Gia	Bảo	Nam	24ĐAKT01	011100008704	Toán chuyên đề
3213	2433520022	Hoàng Công	Nguyên	Nam	24ĐAKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3214	2433520026	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3215	2433520031	Nguyễn Hữu Minh	Thiện	Nam	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3216	2433520043	Lê Trần Hải	Đăng	Nam	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3217	2433520050	Vũ Minh	Đức	Nam	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3218	2433520054	Trần Phú	Cường	Nam	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3219	2433520069	Hà Minh	Thư	Nữ	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3220	2433520123	Nguyễn Hữu Hoàng	Nguyên	Nam	24ĐHKT02	011100008705	Toán chuyên đề
3221	2433520234	Lương Thế	Mạnh	Nam	24ĐHKT01	011100008705	Toán chuyên đề
3222	2433520011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3223	2433520019	Võ Thiện	Trung	Nam	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3224	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3225	2433520021	Tăng Minh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3226	2433520035	Đỗ Thành	An	Nam	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3227	2433520039	Lại Trung	Hiếu	Nam	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3228	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3229	2433520060	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3230	2433520061	Dương Thị Phương	Duy	Nữ	24ĐHKT01	011100008706	Toán chuyên đề
3231	2433520098	Mai Xuân	Tùng	Nam	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3232	2433520104	Ngô Thanh	Hậu	Nam	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3233	2433520108	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3234	2433520119	Phạm Minh	Quân	Nam	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3235	2433520224	Nguyễn Yến Huyền	Trâm	Nữ	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3236	2433520226	Hồ Thị Mỹ	Trúc	Nữ	24ĐHKT02	011100008706	Toán chuyên đề
3237	2433520075	Nguyễn Gia	Hưng	Nam	24ĐHKT02	011100008707	Toán chuyên đề
3238	2433520125	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100008707	Toán chuyên đề
3239	2433520135	Đông Gia	Thuận	Nam	24ĐHKT02	011100008707	Toán chuyên đề
3240	2433520156	Nguyễn Đình	Long	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3241	2433520167	Lưu Tiến	Phát	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3242	2433520179	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3243	2433520191	Lê Chí	Vỹ	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3244	2433520209	Trần Gia	Thái	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3245	2433520210	Mai Quốc	Tiến	Nam	24ĐHKT03	011100008707	Toán chuyên đề
3246	2433520022	Hoàng Công	Nguyên	Nam	24ĐAKT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
3247	2433520045	Lương Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
3248	2433520086	Lã Bùi Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
3249	2433520126	Đinh Phúc	Khang	Nam	24ĐAKT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
3250	2433520232	Phạm Ngô Gia	Bảo	Nam	24ĐAKT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình
3251	2433520011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3252	2433520013	Phan Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3253	2433510008	Phạm Đăng Ngọc	Hiền	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3254	2433520026	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3255	2433520031	Nguyễn Hữu Minh	Thiện	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3256	2433520035	Đỗ Thành	An	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3257	2433520039	Lại Trung	Hiếu	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3258	2433520043	Lê Trần Hải	Đăng	Nam	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3259	2433520069	Hà Minh	Thư	Nữ	24ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3260	2433520075	Nguyễn Gia	Hưng	Nam	24ĐHKT02	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3261	2433520180	Văn Công Thế	Bảo	Nam	24ĐHKT03	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3262	2433520193	Võ Cẩm	Đình	Nữ	24ĐHKT03	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3263	2433520224	Nguyễn Yến Huyền	Trâm	Nữ	24ĐHKT02	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3264	2433520231	Nguyễn Kim	Hà	Nữ	24ĐHKT03	011100009502	Kỹ thuật lập trình
3265	2433520019	Võ Thiện	Trung	Nam	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3266	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3267	2433520021	Tăng Minh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3268	2433520050	Vũ Minh	Đức	Nam	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3269	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3270	2433520054	Trần Phú	Cường	Nam	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3271	2433520061	Dương Thị Phương	Duy	Nữ	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3272	2433520098	Mai Xuân	Tùng	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3273	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3274	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3275	2433520108	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3276	2433520119	Phạm Minh	Quân	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3277	2433520123	Nguyễn Hữu Hoàng	Nguyên	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3278	2433520125	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3279	2433520226	Hồ Thị Mỹ	Trúc	Nữ	24ĐHKT02	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3280	2433520234	Lương Thế	Mạnh	Nam	24ĐHKT01	011100009503	Kỹ thuật lập trình
3281	2433520135	Đồng Gia	Thuận	Nam	24ĐHKT02	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3282	2433520156	Nguyễn Đình	Long	Nam	24ĐHKT03	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3283	2433520176	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	24ĐHKT03	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3284	2433520191	Lê Chí	Vỹ	Nam	24ĐHKT03	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3285	2433520209	Trần Gia	Thái	Nam	24ĐHKT03	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3286	2433520210	Mai Quốc	Tiến	Nam	24ĐHKT03	011100009504	Kỹ thuật lập trình
3287	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXTD02	011100010402	Kinh tế vi mô
3288	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3289	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3290	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3291	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3292	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3293	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3294	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3295	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3296	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3297	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3298	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3299	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3300	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3301	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3302	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3303	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3304	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3305	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3306	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3307	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3308	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3309	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3310	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3311	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3312	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3313	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3314	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không
3315	2431540270	Phùng Văn	Võ	Nam	24ĐHTT05	011100051702	Toán cơ sở
3316	2431540271	Phan Minh	Trí	Nam	24ĐHTT05	011100051702	Toán cơ sở
3317	2431540277	Nguyễn Đảm	Chi	Nam	24ĐHTT05	011100051702	Toán cơ sở
3318	2331520001	Nguyễn Phi	Đạt	Nam	23ĐHKT01	011100052401	Lịch sử Đảng
3319	2331520032	Nguyễn Văn	Hải	Nam	23ĐHKT01	011100052401	Lịch sử Đảng
3320	2331520040	Trần Công	Đạt	Nam	23ĐHKT01	011100052401	Lịch sử Đảng
3321	2331520114	Võ Lê	Khang	Nam	23ĐHKT02	011100052401	Lịch sử Đảng
3322	2331710092	Lê Cao	Bằng	Nam	23ĐHKL02	011100052401	Lịch sử Đảng
3323	2331510061	Nguyễn Việt	Huy	Nam	23ĐHKT01	011100052401	Lịch sử Đảng
3324	2255200014	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3325	2255200021	Nguyễn Gia	Kiệt	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3326	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3327	2255200032	Đặng Phú	Hào	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3328	2255200034	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3329	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3330	2255200043	Đặng Ngọc	Minh	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3331	2255200045	Nguyễn Nhật	Lâm	Nam	22ĐHKT01	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3332	2255200075	Lê Anh	Tuấn	Nam	22ĐHKT02	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3333	2255200092	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	22ĐHKT02	011100054101	Các hệ thống trên tàu bay 1
3334	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	Nam	22ĐHKT01	011100054102	Các hệ thống trên tàu bay 1
3335	2255200036	Nguyễn Trí	Bảo	Nam	22ĐHKT01	011100054102	Các hệ thống trên tàu bay 1
3336	2255200069	Lê Trần Hoàng	Vũ	Nam	22ĐHKT02	011100054102	Các hệ thống trên tàu bay 1
3337	2255200098	Nguyễn Hồng	Nhã	Nam	22ĐHKT02	011100054102	Các hệ thống trên tàu bay 1
3338	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3339	2258420031	Trần Phương	Linh	Nữ	22ĐHKL01	011100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3340	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3341	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3342	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3343	2258420012	Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3344	2258420015	Nguyễn Thị Ánh	My	Nữ	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3345	2258420019	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3346	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3347	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3348	2258420024	Đoàn Nam	Duy	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3349	2258420032	La Nguyên	Khang	Nam	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3350	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3351	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100064802	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay
3352	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3353	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3354	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3355	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3356	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3357	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3358	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3359	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3360	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3361	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3362	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3363	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3364	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3365	2433710175	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100065901	Cơ học và tính năng tàu bay
3366	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3367	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3368	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3369	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3370	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3371	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3372	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3373	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3374	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3375	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3376	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3377	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3378	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3379	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3380	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3381	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3382	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3383	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3384	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3385	2433710177	Dương Nguyễn Yên	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100065902	Cơ học và tính năng tàu bay
3386	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3387	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3388	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3389	2433710025	Huỳnh Đặng Phương	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3390	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3391	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3392	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3393	2433710053	Lê Trần Hồng	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3394	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3395	2433710059	Nguyễn Khánh	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3396	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3397	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3398	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3399	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3400	2433710099	Ngô Thảo	Trang	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3401	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3402	2433710114	Nguyễn Yến	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3403	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3404	2433710131	Đào Phương	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3405	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3406	2433710138	Lê Đặng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3407	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3408	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3409	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3410	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3411	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100065903	Cơ học và tính năng tàu bay
3412	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3413	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3414	2258420012	Phạm Thị Thủy	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3415	2258420015	Nguyễn Thị Ánh	My	Nữ	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3416	2258420019	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3417	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3418	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3419	2258420024	Đoàn Nam	Duy	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3420	2258420032	La Nguyên	Khang	Nam	22ĐHKL01	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3421	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3422	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100067601	Dịch vụ kiểm soát đường dài
3423	2258420031	Trần Phương	Linh	Nữ	22ĐHKL01	011100074201	Quản lý luồng không lưu
3424	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100074201	Quản lý luồng không lưu
3425	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22ĐHKL02	011100074201	Quản lý luồng không lưu
3426	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3427	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3428	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3429	2258420012	Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3430	2258420015	Nguyễn Thị Ánh	My	Nữ	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3431	2258420019	Nguyễn Văn	Kiệt	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3432	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3433	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3434	2258420024	Đoàn Nam	Duy	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3435	2258420032	La Nguyên	Khang	Nam	22ĐHKL01	011100074202	Quản lý luồng không lưu
3436	2433520045	Lương Tuấn	Anh	Nam	24ĐAKT01	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3437	2431720217	Đào Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24ĐHNA04	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3438	2431720253	Đinh Tấn	Phát	Nam	24ĐHNA05	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3439	2431720269	Phạm Khánh	Trân	Nữ	24ĐHNA05	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3440	2431720270	Võ Trần Diễm	My	Nữ	24ĐHNA05	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3441	2431720290	Ngô Mỹ	Thư	Nữ	24ĐHNA05	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3442	2433520232	Phạm Ngô Gia	Bảo	Nam	24ĐAKT01	011100074601	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)
3443	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3444	2433520167	Lưu Tiến	Phát	Nam	24ĐHKT03	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3445	2433520011	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3446	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3447	2433520021	Tăng Minh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3448	2433510008	Phạm Đặng Ngọc	Hiển	Nam	24ĐHĐT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3449	2433510012	Đào Nguyễn Khoa	Đăng	Nam	24ĐHĐT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3450	2433710025	Huỳnh Đặng Phương	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3451	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3452	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3453	2433710053	Lê Trần Hồng	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3454	2433710059	Nguyễn Khánh	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3455	2433520061	Dương Thị Phương	Duy	Nữ	24ĐHKT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3456	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3457	2433510023	Vũ Phong	Thái	Nam	24ĐHĐT01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3458	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3459	2433530027	Phan Đặng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3460	2433710099	Ngô Thảo	Trang	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3461	2433520102	Đỗ Phan Thành	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3462	2433520105	Trần Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3463	2433710114	Nguyễn Yên	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3464	2433520119	Phạm Minh	Quân	Nam	24ĐHKT02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3465	2433520123	Nguyễn Hữu Hoàng	Nguyên	Nam	24ĐHKT02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3466	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3467	2433710138	Lê Đăng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3468	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3469	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3470	2433520180	Văn Công Thế	Bảo	Nam	24ĐHKT03	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3471	2433530078	Phạm Thạch Gia	Hào	Nam	24ĐHTĐ02	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3472	2433520193	Võ Cẩm	Đình	Nữ	24ĐHKT03	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3473	2433520231	Nguyễn Kim	Hà	Nữ	24ĐHKT03	011100074702	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3474	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3475	2433520051	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	24ĐHKT01	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3476	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3477	2433520156	Nguyễn Đình	Long	Nam	24ĐHKT03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3478	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3479	2433520179	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	24ĐHKT03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3480	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3481	2433520209	Trần Gia	Thái	Nam	24ĐHKT03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3482	2433520210	Mai Quốc	Tiến	Nam	24ĐHKT03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3483	2433530114	Nguyễn Thị Phương	Bằng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3484	2433530115	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3485	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3486	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3487	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3488	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3489	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3490	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3491	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3492	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3493	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3494	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3495	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3496	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3497	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3498	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3499	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3500	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3501	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3502	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3503	2433710101	Dương Ngọc Cẩm	Tuyền	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3504	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3505	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3506	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3507	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3508	2433710131	Đào Phương	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3509	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3510	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3511	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3512	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3513	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3514	2433520176	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	24ĐHKT03	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3515	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3516	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3517	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3518	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3519	2433710175	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3520	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100074704	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3521	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3522	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3523	2433520013	Phan Anh	Tuấn	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3524	2433520019	Võ Thiện	Trung	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3525	2433520020	Lưu Bảo	Anh	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3526	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3527	2433520026	Nguyễn Mai	Hiền	Nữ	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3528	2433520031	Nguyễn Hữu Minh	Thiện	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3529	2433520035	Đỗ Thành	An	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3530	2433520039	Lại Trung	Hiếu	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3531	2433520043	Lê Trần Hải	Đặng	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3532	2433520050	Vũ Minh	Đức	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3533	2433520054	Trần Phú	Cường	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3534	2433520060	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3535	2433520069	Hà Minh	Thư	Nữ	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3536	2433520075	Nguyễn Gia	Hưng	Nam	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3537	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3538	2433520098	Mai Xuân	Tùng	Nam	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3539	2433520108	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3540	2433520125	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3541	2433520135	Đồng Gia	Thuận	Nam	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3542	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3543	2433520224	Nguyễn Yến Huyền	Trâm	Nữ	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3544	2433520226	Hồ Thị Mỹ	Trúc	Nữ	24ĐHKT02	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3545	2433520234	Lương Thế	Mạnh	Nam	24ĐHKT01	011100074707	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3546	2433520191	Lê Chí	Vỹ	Nam	24ĐHKT03	011100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3547	2433550037	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24ĐHXDC1	011100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3548	2433550079	Ngô Bùi Bảo	Hân	Nữ	24ĐHXD02	011100074708	Kinh tế chính trị Mác Lênin
3549	2258420046	Trần Lê Cẩm	Tiên	Nữ	22ĐHKL01	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3550	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3551	2331710062	Trần Vũ Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3552	2331710071	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3553	2331710076	Hoàng Thu	Hương	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3554	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3555	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3556	2331710085	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3557	2331710093	Nguyễn Ngọc Thúy	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3558	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3559	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3560	2331710108	Nguyễn Thế	Quốc	Nam	23ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3561	2331710144	Dương Thị Hoàng	Yến	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3562	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3563	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3564	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3565	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3566	2331710159	Trần Đăng Tường	San	Nữ	23ĐHKL03	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3567	2231710121	Nguyễn Ngọc Tố	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3568	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3569	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3570	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3571	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3572	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3573	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3574	2331710040	Đặng Thị Thảo	My	Nữ	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3575	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3576	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3577	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3578	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3579	2331710063	Huỳnh Thụy Song	Kim	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3580	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3581	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3582	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3583	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3584	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3585	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3586	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3587	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3588	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3589	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3590	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100084002	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3591	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3592	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3593	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3594	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3595	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3596	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3597	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3598	2331710042	Vi Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3599	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3600	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3601	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3602	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3603	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3604	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3605	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3606	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3607	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3608	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3609	2331710112	Nguyễn Hải	Yên	Nữ	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3610	2331710117	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3611	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3612	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3613	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3614	2331710139	Trần Kim	Tiên	Nữ	23ĐHKL03	011100084003	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu
3615	2433530027	Phan Đặng	Dũng	Nam	24ĐHTĐ01	011100088501	Máy điện
3616	2433530114	Nguyễn Thị Phương	Bằng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100088503	Máy điện
3617	2433530115	Nguyễn Thị Kim	Phụng	Nữ	24ĐHTĐ03	011100088503	Máy điện
3618	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100088503	Máy điện
3619	2331530067	Cáp Hữu	Vinh	Nam	23ĐHTĐ02	011100106103	Tiếng Anh 1
3620	2331310456	Lê Anh	Thư	Nữ	23ĐHQTC3	011100106103	Tiếng Anh 1
3621	2433530120	Trần Thành	Mỹ	Nam	24ĐHTĐ03	011100106103	Tiếng Anh 1
3622	2433520021	Tăng Minh	Anh	Nữ	24ĐHKT01	011100106104	Tiếng Anh 1
3623	2433520060	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	24ĐHKT01	011100106104	Tiếng Anh 1
3624	2258130015	Lê Trọng	Phúc	Nam	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3625	2258130017	Lê Ngọc Thảo	Vy	Nữ	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3626	2258130022	Nguyễn Đình	Hào	Nam	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3627	2258130026	Vũ Tấn	Đức	Nam	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3628	2258130048	Trần Thị Hồng	Lan	Nữ	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3629	2258130059	Phan Kiều Diễm	Quỳnh	Nữ	22ĐHDL02	011100109501	Tiếng Anh 2
3630	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	Nữ	22ĐHDL02	011100109501	Tiếng Anh 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3631	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	Nữ	22ĐHDL02	011100109501	Tiếng Anh 2
3632	2258130090	Nguyễn Thị Thảo	Mai	Nữ	22ĐHDL02	011100109501	Tiếng Anh 2
3633	2258130107	Trần Thị Thúy	Duy	Nữ	22ĐHDL01	011100109501	Tiếng Anh 2
3634	2253440039	Trần Tuệ	Khanh	Nữ	22ĐHNL01	011100109502	Tiếng Anh 2
3635	2253440046	Chiêm Phúc	Phuong	Nữ	22ĐHNL01	011100109502	Tiếng Anh 2
3636	2254810078	Bùi Viết	Khánh	Nam	22ĐHTT02	011100109502	Tiếng Anh 2
3637	2254810201	Nguyễn Châu Lê	Dũng	Nam	22ĐHTT04	011100109502	Tiếng Anh 2
3638	2253410007	Trần Nhã	Khanh	Nữ	22ĐHQTTTH	011100109502	Tiếng Anh 2
3639	2253410021	Giáp Thị Mai	Anh	Nữ	22ĐHQTVT1	011100109502	Tiếng Anh 2
3640	2253410057	Trần Thanh	Hiên	Nữ	22ĐHQTTTH	011100109502	Tiếng Anh 2
3641	2253410067	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	22ĐHQTTTH	011100109502	Tiếng Anh 2
3642	2253410072	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22ĐHQTTTH	011100109502	Tiếng Anh 2
3643	2253410350	Nguyễn Thành	Lợi	Nữ	22ĐHQTTTH	011100109502	Tiếng Anh 2
3644	2253410352	Lê Thị Thu	Phuong	Nữ	22ĐHQTC1	011100109502	Tiếng Anh 2
3645	2433550037	Trần Thanh	Tuấn	Nam	24ĐHXDC1	011100115101	Địa chất công trình
3646	2331710077	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	23ĐHKL02	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3647	2331710094	Tông Bùi Thành	Long	Nam	23ĐHKL02	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3648	2331710099	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	23ĐHKL02	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3649	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3650	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3651	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3652	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100142401	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay
3653	2331710001	Lê Nam	Anh	Nam	23ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3654	2331710003	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	23ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3655	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3656	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	Nam	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3657	2331710033	Phạm Minh	Quang	Nam	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3658	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	Nữ	23ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3659	2331710058	Nguyễn Minh	Thế	Nam	23ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3660	2331710064	Phan Thúy	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3661	2331710066	Nguyễn Xuân Nhật	Khôi	Nam	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3662	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	Nam	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3663	2331710069	Lưu Gia	Hân	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3664	2331710070	Phan Đỗ An	Diễm	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3665	2331710081	Nguyễn Hữu Hồng	Quang	Nam	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3666	2331710091	Ninh Giang	Huệ	Nữ	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3667	2331710112	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3668	2331710114	Nguyễn Ngọc	Saphidan	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3669	2331710119	Trần Lê Thùy	Dung	Nữ	23ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3670	2331710124	Mai Đình	Khôi	Nam	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3671	2331710137	Phạm Thị Thùy	Anh	Nữ	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3672	2331710149	Đỗ Thái	My	Nữ	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3673	2331710152	Trần Hồng Phúc	An	Nữ	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3674	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	Nam	23ĐHKL03	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3675	2331710004	Châu Ngọc	Xuân	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3676	2331710008	Nguyễn Doãn	Phương	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3677	2331710012	Nguyễn Lý Phương	Quang	Nam	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3678	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3679	2331710026	Nguyễn Diệp Thùy	Giang	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3680	2331710029	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3681	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3682	2331710037	Huỳnh Ngọc Phương	Nhi	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3683	2331710038	Dương Thị Hương	Thảo	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3684	2331710042	Vì Nhật	Nam	Nam	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3685	2331710046	Trần Nguyễn Hoài	An	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3686	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3687	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3688	2331710054	Phạm Minh	Phú	Nam	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3689	2331710059	Nguyễn Minh	Trí	Nam	23ĐHKL01	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3690	2331710065	Chu Thị Hương	Giang	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3691	2331710078	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3692	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3693	2331710084	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3694	2331710089	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3695	2331710090	Nguyễn Huyền	My	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3696	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3697	2331710116	Nguyễn Thị Liễu	Chi	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3698	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3699	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3700	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100142502	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1
3701	2258420003	Trần Mỹ	Liên	Nữ	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3702	2258420005	Trần Minh	Quân	Nam	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3703	2258420015	Nguyễn Thị Ánh	My	Nữ	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3704	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	Nữ	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3705	2258420023	Trương Kim	Thành	Nam	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3706	2258420024	Đoàn Nam	Duy	Nam	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3707	2258420031	Trần Phương	Linh	Nữ	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3708	2258420032	La Nguyên	Khang	Nam	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3709	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	Nam	22ĐHKL02	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3710	2231710121	Nguyễn Ngọc Tổ	Phụng	Nữ	22ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3711	2331710016	Lê Hồng Nguyên	Thanh	Nữ	23ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3712	2331710024	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	23ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3713	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	Nữ	23ĐHKL03	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3714	2331710043	Nguyễn Bùi Thảo	Trang	Nữ	23ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3715	2331710047	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	23ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3716	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	Nữ	23ĐHKL01	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3717	2331710087	Hoàng Ngọc Hiếu	Đức	Nam	23ĐHKL02	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3718	2331710088	Nguyễn Tuyết	Ngân	Nữ	23ĐHKL03	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3719	2331710121	Mai Khánh	Linh	Nữ	23ĐHKL02	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3720	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	Nữ	23ĐHKL03	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3721	2331710147	Đoàn Thị Yến	Oanh	Nữ	23ĐHKL03	011100142701	Thực hiện theo dõi chuyến bay
3722	2433710004	Nguyễn Xuân	An	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3723	2433710005	Nguyễn Trần Hà	Son	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3724	2433710016	Phạm Thùy Minh	Giang	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3725	2433710017	Nguyễn Ngọc Nhật	Huy	Nam	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3726	2433710018	Nguyễn Cẩm	Tiên	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3727	2433710032	Cao Đặng Minh	Thư	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3728	2433710041	Lê	Quang	Nam	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3729	2433710044	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3730	2433710050	Nguyễn Xuân Thùy	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3731	2433710051	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3732	2433710054	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3733	2433710061	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3734	2433710070	Nguyễn Phúc Thảo	Vy	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3735	2433710090	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3736	2433710147	Trần Hữu	Phúc	Nam	24ĐHKL02	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3737	2433710175	Lương Quỳnh	Anh	Nữ	24ĐHKL01	011100144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3738	2433710047	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	24ĐHKL01	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3739	2433710066	Nguyễn Hoàng	An	Nam	24ĐHKL01	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3740	2433710095	Nguyễn Ngọc Chi	Mai	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3741	2433710100	Trần Hoàng	Lâm	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3742	2433710105	Nguyễn Tú	Nga	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3743	2433710107	Trương Khánh	An	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3744	2433710113	Vũ Thị Ngọc	Nhâm	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3745	2433710134	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3746	2433710135	Lê Huỳnh	Như	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3747	2433710136	Trần Nữ Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3748	2433710137	Hoàng Thị Vân	Anh	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3749	2433710148	Hứa Hải	Tâm	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3750	2433710153	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3751	2433710154	Đặng Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3752	2433710156	Nguyễn Trần Tấn	Lân	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3753	2433710158	Trần Minh Tấn	Thành	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3754	2433710169	Ứng Anh	Thiên	Nam	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3755	2433710177	Dương Nguyễn Yến	Ngọc	Nữ	24ĐHKL02	011100144202	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3756	2433710011	Đỗ Đình	Thành	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3757	2433710012	Nguyễn Hoài	Anh	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3758	2433710013	Hồ Trần Phương	Như	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3759	2433710025	Huỳnh Đặng Phương	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3760	2433710034	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3761	2433710042	Trần Đăng Hải	Long	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3762	2433710045	Trần Đình Lan	Yên	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3763	2433710053	Lê Trần Hồng	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3764	2433710055	Bùi Trọng	Hiếu	Nam	24ĐHKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3765	2433710058	Nguyễn Vũ An	Khôi	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3766	2433710059	Nguyễn Khánh	Trình	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3767	2433710072	Đỗ Cẩm	Vân	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3768	2433710087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3769	2433710092	Phan Nguyễn Lâm	Bình	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3770	2433710093	Lê Trần Gia	Minh	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3771	2433710099	Ngô Thảo	Trang	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3772	2433710114	Nguyễn Yến	Phương	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3773	2433710118	Nguyễn Phú	Quý	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3774	2433710131	Đào Phương	Trinh	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3775	2433710138	Lê Đặng Bảo	Trân	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3776	2433710143	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3777	2433710149	Nguyễn Trần Thiên	Ngân	Nữ	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3778	2433710162	Đặng Nhật	Nam	Nam	24ĐAKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3779	2433710173	Huỳnh Nhật	Hoàng	Nữ	24ĐHKL01	011100144203	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)
3780	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3781	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3782	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3783	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3784	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3785	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3786	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100004301	Dịch vụ kiểm soát tại sân
3787	2341840004	Đặng Duy	Thống	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3788	2341840006	Nguyễn Kim Mộc	Anh	Nữ	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3789	2341840012	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3790	2341840014	Võ Trí	Tuệ	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3791	2341840016	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3792	2341840019	Đỗ Bảo	Khánh	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3793	2341840023	Bùi Đức	Huy	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3794	2341840024	Phạm Đức	Lương	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3795	2341840026	Trần Tấn	Phát	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3796	2341840029	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3797	2341840030	Phạm Nguyễn Bảo	Di	Nam	23CĐCK01	030100059701	Tiếng Anh
3798	2341810060	Huỳnh Thị Kim	Quý	Nữ	23CĐTM01	030100059801	Tổng quan về hàng không dân dụng
3799	2341840004	Đặng Duy	Thống	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3800	2341840006	Nguyễn Kim Mộc	Anh	Nữ	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3801	2341840012	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3802	2341840014	Võ Trí	Tuệ	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3803	2341840015	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3804	2341840016	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3805	2341840018	Nguyễn Đình	Phúc	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3806	2341840019	Đỗ Bảo	Khánh	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3807	2341840023	Bùi Đức	Huy	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3808	2341840024	Phạm Đức	Lương	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3809	2341840026	Trần Tấn	Phát	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3810	2341840029	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3811	2341840030	Phạm Nguyễn Bảo	Di	Nam	23CĐCK01	030100066801	Hệ thống cơ khí tàu bay 2
3812	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3813	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3814	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3815	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3816	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3817	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3818	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100067501	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận
3819	2341840004	Đặng Duy	Thống	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3820	2341840006	Nguyễn Kim Mộc	Anh	Nữ	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3821	2341840012	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3822	2341840014	Võ Trí	Tuệ	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3823	2341840015	Nguyễn Quang	Huy	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3824	2341840016	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3825	2341840018	Nguyễn Đình	Phúc	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3826	2341840019	Đỗ Bảo	Khánh	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3827	2341840023	Bùi Đức	Huy	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3828	2341840024	Phạm Đức	Lương	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3829	2341840026	Trần Tấn	Phát	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3830	2341840029	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3831	2341840030	Phạm Nguyễn Bảo	Di	Nam	23CĐCK01	030100068401	Hệ thống điện tử tàu bay
3832	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	Nam	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu
3833	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu
3834	2341820013	Nguyễn Thiên	Trang	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Lớp học	Mã lớp học phần	Môn học
3835	2341820016	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu
3836	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu
3837	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu
3838	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	23CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu

Lập bảng



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu